

TRẦN-QUANG-KHAI

Giáo-viên Tiểu-học

TẬP LÀM VĂN

LỚP BA

SỐNG MỖI XUẤT - BẢN

CÙNG SOẠN GIẢ

Tập Làm Văn	Lớp Nhất
Tập Làm Văn	Lớp Nhì
Tập Làm Văn	Lớp Ba
Tập Làm Văn	Lớp Tư
Toán Pháp	Lớp Nhất
Toán Pháp	Lớp Nhì
Toán Pháp	Lớp Ba
Toán Pháp	Lớp Tư
Toán Pháp	Lớp Năm
660 Bài Tính Mẫu	Lớp Nhất
660 Bài Tính Mẫu	Lớp Nhì
660 Bài Tính Mẫu	Lớp Ba
660 Bài Tính Mẫu	Lớp Tư, Năm

In tại nhà in riêng của nhà xuất bản
Giấy phép số 727 / XB ngày 9-4-64

Giá : 25đ.

TRẦN QUANG-KHAI

Giáo-Viên Tiểu-Học

TẬP LÀM VĂN

(66 BÀI LUẬN MẪU)

LỚP BA

*
*

S-1-69
Hieu

Nhà xuất-bản SÔNG MỜI

30^b, đường Phạm-Ngũ-Lão — SAIGON

LỜI NÓI ĐẦU

Ở lớp Ba, phần nhiều các em kém về Việt-văn. Nếu để tự ý các em làm lấy một bài luận, các em sẽ lúng túng không biết nói gì. Các em không biết tìm ý. Hoặc có ý mà nghèo-nàn quá. Hoặc nhiều ý mà lủng-củng, không ăn khớp với nhau. Bởi vậy, các em phải chịu khó viết tất cả mọi ý vào tờ giấy ráp. Miễn là những ý ấy có liên-quan đến đầu bài là được. Tìm nhiều ý rồi các em sẽ xếp lại cho có thứ-tự, nghĩa là làm dàn-bài đầy-đủ. Trong khi làm dàn-bài, các em sẽ phân ra ý chính và ý phụ, rồi bỏ bớt các ý phụ đi. Các em phỏng đoán một bài luận vào khoảng hai mươi dòng là vừa đủ. Trái lại, bài ngắn quá cũng không được. Đôi khi các em làm bài luận vắn - vắn độ sáu bảy dòng. Ý - tứ quá nghèo-nàn như vậy sao đáng gọi là một bài luận. Cho nên ngay từ lớp Ba, các em nên tập quen làm một bài văn cho cẩn-thận. Muốn như vậy, các em nên nhớ đến ba điều : Một là nên tập làm văn luôn luôn, ngoài giờ ở lớp học, nên làm thêm ở nhà. Hai là nên đọc bài mẫu cho kỹ, để bắt chước cách lập ý và đặt câu. Ba là nên chú ý vào bài tập đọc, nên tìm hiểu thể văn trong bài tập đọc, tìm hiểu chữ gì dùng khéo, câu nào gọn, ý nào hay.

Về lời văn cũng không kém phần quan-trọng. Các em không biết đặt câu, nghĩa là thường mắc phải những lỗi sau đây :

- 1) Đặt câu dài quá, không biết đến đâu là một câu ;
- 2) Hay dùng những tiếng « thì, mà, và » làm câu dài quá, lủng-củng, có khi gần như không thành câu ;
- 3) Không biết chấm-câu. Đôi khi các em viết một câu dài đến năm sáu dòng mà không dấu phẩy, dấu chấm. Có khi đánh dấu chấm, phẩy không đúng chỗ : đáng phẩy lại chấm, đáng chấm lại phẩy. Không biết chấm câu tức là không biết đặt câu.
- 4) Không viết đúng chính-tả : Hoặc s viết ra x, hoặc d viết ra gi, ra r, hoặc viết sai dấu giọng (dấu hỏi ra dấu ngã).

Nói tóm lại, khi viết xong bản ráp, các em nên đọc đi đọc lại, sửa chữa cẩn-thận rồi hãy chép vào vở luận.

CHƯƠNG-TRÌNH
TẬP LÀM VĂN LỚP BA

- 1.— Tập dùng các tiếng : **thì, mà, là, bởi, bị, được.**
- 2.— Trả lời theo câu hỏi và đặt thành câu về một đề-mục.
- 3.— Tả những vật, những cảnh (dễ tả) đã trông thấy.
- 4.— Kể chuyện, thuật lại, (những chuyện dễ kể, dễ thuật).
- 5.— Tập viết thư (những thư dễ viết).

BÀI 1 Tập dùng tiếng « thì »

BÀI LÀM

- 1.— Có khỏe mạnh thì học-hành mới tấn-tới.
- 2.— Người có học thì làm việc gì cũng dễ-dàng.
- 3.— Làm bài chỉ chép của người bên cạnh thì không ích gì.
- 4.— Lúc thầy giảng bài mà không chú-ý nghe thì còn hiểu gì.
- 5.— Có nhiều sách mà không đọc thì có hơn gì người không có sách.
- 6.— Người thông-minh mà không học thì vẫn dốt suốt đời.
- 7.— Nhà nghèo mà có chí học-hành thì ai cũng qui-mến.
- 8.— Có học mà không có hạnh thì cũng chả ai ưa.
- 9.— Nói mà không làm thì nói làm gì ?
- 10.— Nói thì dễ, làm thì khó.



BÀI 2 Tập dùng tiếng « mà »

BÀI LÀM

- 1.— Ông tôi đã già mà còn ham đọc sách.
- 2.— Em tôi mới lên sáu tuổi mà đọc báo được rồi.
- 3.— Cha tôi đi làm việc cả ngày mà đêm nào cũng xem sách khuya lắm.
- 4.— Em bé tôi đang hơn mà bà tôi dỗ nó là nó nín bật.
- 5.— Thắng Tý di chơi đầu mà giờ này nó chưa về ?

- 6.— Sắp thi-cử mà anh Tâm không chịu học thi đỗ-đạt cái gì ?
- 7.— Bé mà không học thì mai sau làm gì ?
- 8.— Làm anh mà không chăm học thì bảo sao được em.
- 9.— Anh Tường đã đỗ cử-nhân luật mà vẫn học đêm học ngày.
- 10.— Có tiền của mà chả biết làm nghề gì rồi cũng có ngày ăn hết.



BÀI 3 Tập dùng tiếng « là »

BÀI LÀM

- 1.— Học-trò biết vâng lời thầy là học-trò tốt.
- 2.— Nhà trường là lò đúc nhân-tài.
- 3.— Em là học-trò lớp Ba, trường tiểu-học Ngã-sáu.
- 4.— Sách, vở, giấy, bút là dụng-cụ của học-sinh.
- 5.— Thời giờ là vàng bạc.
- 6.— Anh Khiêm là học-trò cần-mẫn ; anh không nghỉ học một ngày nào.
- 7.— Anh Tồn học giỏi lắm : thi một bần là đậu liền.
- 8.— Ông tôi là người hiền-hòa cho nên ai cũng trọng cụ.
- 9.— Có chơi với nhau lâu ngày mới biết bạn là người tử-tế.
- 10.— Anh Tam là người có tài mà không có hạnh.



BÀI 4 Tập dùng tiếng « vì »

BÀI LÀM

- 1.— Vì nhà nghèo anh Nam phải đi bán bánh mì để kiếm tiền mua sách vở.

- 2.— Anh Bắc phải nghỉ học vì cha mẹ anh già yếu, không kiếm ra tiền.
- 3.— Thầy giáo quý anh Đông lắm vì anh ấy chăm học và ngoan-ngoãn.
- 4.— Anh Tây bị quở phạt luôn vì anh hay nô-dùa ở trong lớp.
- 5.— Bà tôi ngoài sáu chục tuổi mà người vẫn hồng-hào, vì cụ không ăn quà vặt bao giờ.
- 6.— Em tôi bị cảm vì chiều hôm qua nó nghịch nước mưa.
- 7.— Suốt đêm mẹ tôi không ngủ được, vì thằng em tôi nóng dử quá.
- 8.— Vì bận nhiều việc nhà nên mẹ tôi chả đi chơi đâu.
- 9.— Chỉ vì thương con mà cha mẹ phải khuyên dạy đủ điều.
- 10.— Cha mẹ tôi làm ăn vất-vả suốt ngày vì gia-đình đông con.



BÀI 5 Tập dùng tiếng « bởi »

BÀI LÀM

- 1.— Em Sửu hay ăn quà vặt, bởi vậy nó hay đau bụng.
- 2.— Bởi em tôi còn nhỏ quá nên mẹ tôi phải chăm-nom nó.
- 3.— Cha tôi già trước tuổi, bởi người phải lo nghĩ nhiều về việc gia-đình.
- 4.— Cha mẹ tôi chả đi đâu xa, bởi đi xa là tốn nhiều tiền.
- 5.— Bởi gia-đình tôi nghèo nên tôi không dám đua ăn đua mặc.
- 6.— Anh Giáp không được lên lớp bởi anh ấy lơ-dềnh và lười-biếng.
- 7.— Bởi sự đoàn-kết của toàn-dân mà đức Trần-Hưng-Đạo dẹp tan quân Nguyên.

- 8.— Người Việt-Nam ta sùng-bái hai bà Trưng, bởi các ngài đã hiến thân cho Tổ-quốc.
- 9.— Tôi thích học Việt-sử bởi sự giảng-giải khéo-léo của thầy giáo tôi.
- 10.— Tôi yêu nước bởi vì nước có mạnh thì nhà mới yên.



BÀI 6 Tập dùng tiếng « bị »

BÀI LÀM

- 1.— Anh Nhất bị thầy giáo quở mắng mà anh không tỏ vẻ hờn giận.
- 2.— Anh Nhị bị bạn chế-riêu vì anh có tính khoe-khoang.
- 3.— Giờ chơi, anh Tam nô-nghịch thế nào mà cái quần bị rách tướp ra ?
- 4.— Giờ toán anh Ngũ bị số không, vì anh không trả lời vào câu hỏi của thầy giáo.
- 5.— Lúc sang qua đường phải đề ý kẻo bị xe cán thì nguy.
- 6.— Anh Lục đi học về muộn quá, nên anh bị cha anh quở mắng.
- 7.— Làm biếng học đi thi bị trượt là đáng lắm, còn phàn-nản gì.
- 8.— Anh Bát bị sốt, nghỉ học mất hai buổi.
- 9.— Anh Cửu trèo cây trứng cá, bị ngã gãy chân.
- 10.— Anh Thập hay nói đùa ; hễ bị ai đùa lại là anh phát khùng.



BÀI 7 Tập dùng tiếng « được »

BÀI LÀM

- 1.— Tháng nào anh tôi cũng được ghi tên trong bảng danh-dự.
- 2.— Giúp bạn được việc gì lòng tôi lấy làm vui sướng lắm.
- 3.— Kiếm được một người bạn tốt chẳng khác gì thêm một người anh ruột.
- 4.— Lúc bé học thêm được năm nào là qui năm ấy.
- 5.— Nhờ có thầy hết lòng dạy bảo chúng tôi mới mở mắt ra được.
- 6.— Anh Thông học được mà anh ấy không chịu học.
- 7.— Mẹ tôi khéo tay lắm : làm bánh trái gì cũng được.
- 8.— Mẹ tôi bận việc quá, quanh năm không đi được đến đâu.
- 9.— Mỗi khi làm xong việc gì, cha tôi bảo « được rồi », tôi mới yên tâm.
- 10.— Già được bát canh, trẻ được manh áo mới.



Trả lời theo câu hỏi và đặt thành câu về một đề-mục :

BÀI 8

Cái quần bút

CÂU HỎI

- 1.— Cái quần bút của em bằng gì ?
- 2.— Quần bút dài độ mấy phân ?
- 3.— Quần bút màu gì ? Một màu hay nhiều màu ?
- 4.— Quần bút cũ hay mới ? Nếu cũ thì màu thế nào ?
- 5.— Đầu quần bút có gì ?
- 6.— Ngòi bút bằng gì ?
- 7.— Ngòi bút hình gì ? Màu gì ?
- 8.— Giữa ngòi bút có gì ?
- 9.— Khi viết thì mực xuống thế nào ?
- 10.— Em giữ-gìn quần bút thế nào ?



BÀI 9

Quyển sách tập-đọc

CÂU HỎI

- 1.— Quyển sách tập đọc của em tên là gì ?
- 2.— Ngoài bìa vẽ hình gì ?
- 3.— Trên hình vẽ có gì ? Tác-giả là ai ?
- 4.— Sách có bao nhiêu trang ?
- 5.— Mỗi trang có gì ?
- 6.— Mỗi bài tập đọc kèm theo những gì ? (Giải-nghĩa đề làm gì ? Câu hỏi đề làm gì ?)
- 7.— Hình vẽ của mỗi bài giúp ích gì ?
- 8.— Mục-lục đề làm gì ?
- 9.— Quyển sách tập đọc có ích gì cho em ?
- 10.— Em giữ-gìn quyển sách thế nào ?

BÀI 10

Cái bảng đen

CÂU HỎI

- 1.— Cái bảng đen của lớp em kê ở chỗ nào ?
- 2.— Mặt bảng hình gì ? Dài, rộng độ bao nhiêu phân ?
- 3.— Bảng bằng gỗ gì ? Tại sao dùng gỗ nhẹ ?
- 4.— Mặt bảng ghép bằng mấy mảnh gỗ ?
- 5.— Mặt bảng sơn màu gì ?
- 6.— Bảng cũ hay mới ? Tại sao biết cũ hay mới ?
- 7.— Mặt bảng có xoay được không ?
- 8.— Bảng đóng trên giá hay đóng sát vào tường ?
- 9.— Giá bằng thế nào ? Cao độ bao nhiêu ? Tại sao phải có hai chân to và chắc ?
- 10.— Thầy giáo dùng bảng làm gì ?
- 11.— Nếu không có bảng thì lớp học ra sao ?



BÀI 11

Bàn giấy thầy giáo

CÂU HỎI

- 1.— Bàn giấy thầy giáo kê ở đâu ?
- 2.— Bàn giấy bằng gỗ gì ? Sơn màu hay đánh bóng ?
- 3.— Mặt bàn dài, rộng bao nhiêu phân ? Chân bàn cao độ bao nhiêu phân ?
- 4.— Trên mặt bàn thường để những gì ?
- 5.— Đến giờ học lại dải khăn phủ bàn bằng gì ? Màu gì ?
- 6.— Bàn giấy có mấy ngăn kéo ? Mỗi ngăn đựng gì ?
- 7.— Thầy giáo làm gì trên bàn giấy ?
- 8.— Khi nào các em được gọi lên bàn giấy ?
- 9.— Hằng ngày các em lau bàn giấy bằng gì ?



BÀI 12

Bàn học-trò

CÂU HỎI

- 1.— Lớp em có bao nhiêu bộ bàn ghế? Bàn ghế xếp thế nào?
- 2.— Bàn bằng gỗ gì? Có chắc-chắn không? Cũ hay mới?
- 3.— Bàn dài, rộng cao bao nhiêu phân?
- 4.— Mặt bàn thế nào? Tại sao mặt bàn hơi dồng-dốc?
- 5.— Có mấy lỗ lọ mực?
- 6.— Mép bàn có cái khe để làm gì?
- 7.— Mỗi bàn có mấy ngăn? Ngăn để đựng gì?
- 8.— Bàn có đóng liền vào ghế không?
- 9.— Hằng ngày các em giữ-gìn cái bàn thế nào?
- 10.— Tại sao em mến bàn ghế học của em?



BÀI 13

Bản lịch treo tường

CÂU HỎI

- 1.— Bản lịch treo ở chỗ nào? Về phía nào của bàn giấy?
- 2.— Bản lịch làm bằng gì? Cứng hay mềm? Dày hay mỏng?
- 3.— Bản lịch dài, rộng bao nhiêu phân?
- 4.— Vẽ những hình gì? Tô những màu gì?
- 5.— Giữa bản lịch phía trên có những gì? (Tên hiệu sách hoặc nhà in).
- 6.— Tập giấy lịch dán vào chỗ nào?
- 7.— Tập giấy có độ bao nhiêu tờ? Những mảnh giấy dán thế nào?
- 8.— Trên những mảnh giấy có in những chữ gì?
- 9.— Ngày tháng âm-lịch in chỗ nào?
- 10.— Nhìn lên tấm lịch em có ý nghĩ gì?



BÀI 14

Bảng danh dự

CÂU HỎI

- 1.— Cái bảng danh-dự treo ở chỗ nào?
- 2.— Bảng làm bằng gì? Dài, rộng bao nhiêu phân?
- 3.— Vẽ hình gì? Tô màu gì?
- 4.— Khung bằng bằng gì? Màu gì?
- 5.— Trên bảng ghi tên những học-sinh nào?
- 6.— Tại sao ghi vào những mảnh bìa nhỏ?
- 7.— Tại sao ghi tên những học-sinh có hạnh-kiểm tốt?
- 8.— Nếu em được ghi tên vào đấy thì em nghĩ sao?
- 9.— Nếu tên em không được ghi vào đấy thì em nghĩ sao?
- 10.— Mỗi lần em được ghi tên vào bảng danh-dự cha mẹ em nói gì?



BÀI 15

Cái dao con

CÂU HỎI

- 1.— Cái dao con của em mua tự bao giờ? Giá bao nhiêu?
- 2.— Cái dao có mấy phần?
- 3.— Lưỡi bằng gì? Sắc gì?
- 4.— Ngoài lưỡi còn có những gì?
- 5.— Chuôi bằng gì? Sắc gì?
- 6.— Những lưỡi dao mở ra, đóng vào thế nào?
- 7.— Một cái dao nhỏ thế mà dùng được những việc gì?
- 8.— Khi dùng xong giữ thế nào cho dao khỏi rỉ?
- 9.— Tại sao em không nô-đùa bằng dao?



BÀI 16

Cái tủ áo

CÂU HỎI

- 1.— Cái tủ áo của nhà em kê ở chỗ nào?
- 2.— Tủ bằng gỗ gì? Màu gì?
- 3.— Kích thước bao nhiêu phần?
- 4.— Mặt trước có mấy cánh? Cánh phẳng hay khum-khum?
- 5.— Khóa thế nào? Trên khóa có cái núm bằng gì? Để làm gì?
- 6.— Tủ có mấy cái buồng? Khác nhau thế nào?
- 7.— Mỗi buồng đựng gì?
- 8.— Ngăn kéo ở chỗ nào? Đựng gì?
- 9.— Khi mở tủ phải cẩn-thận thế nào?
- 10.— Mỗi buổi sáng phải lau tủ thế nào?
- 11.— Tại sao mẹ em quý cái tủ?

*

TẢ CẢNH

BÀI 17

Quyển sách tập-đọc

DÀN BÀI

MỞ BÀI : Quyển sách tập-đọc của em mua tự bao giờ?

THÂN BÀI :

- a) Ngoài bìa : Vẽ hình gì? Màu gì? Tên sách. Tên tác-giả. Tên nhà xuất-bản.
- b) Trong sách : Bao nhiêu trang? Mỗi trang có mấy bài tập-đọc kèm theo giải-nghĩa, câu hỏi, hình vẽ. Mục-lục.
- c) Ích-lợi : Tập-đọc tron. Hiểu biết thêm.
- d) Cách giữ-gìn : Bọc sách, mở sách.

KẾT-LUẬN : Em quý quyển sách tập-đọc như một người bạn thân.

BÀI LÀM

Cuối niên-học năm ngoái, em được phần thưởng hạng nhì. Phần thưởng toàn là các thứ dụng-cụ học-sinh. Em thích nhất quyển sách tập-đọc.

Đó là quyển tập-đọc quốc-văn lớp Ba. Bìa là giấy bồi cứng, hình chữ nhật, dài độ hai mươi phần, rộng độ mười lăm phần. Trên mặt bìa màu vàng nổi bật lên bốn chữ tên sách «Tập-đọc» màu xanh nước biển và «Quốc-văn» màu đỏ sẫm. Dưới là bức tranh với nét vẽ đơn-sơ mà đầy ý nghĩa. Một cậu bé vui-vẻ cắp sách đến trường. Cậu chỉ lên một con chim đậu trên cành tre non màu lá xanh nhạt. Con chim non há mỏm ra hót để chào ánh bình-minh đỏ rực ở chân trời. Phía trên cùng tờ bìa có ba tên tác-giả. Phía dưới cũng kèm theo năm chữ «Nhóm soạn-giả Thư-hương».

Mở sách ra xem. Trong có 110 trang. Mỗi trang có một bài tập-dọc hay học thuộc lòng. Bên cạnh mỗi bài in một bức vẽ màu xanh lơ hay màu hồng. Nhiều khi đọc xong bài, em nhìn vào hình vẽ đến mười phút mà không chán mắt. Nhìn vào đấy mà ngắm-ngẫm thấy bài đọc càng thêm hay. Dưới mỗi bài có mấy chữ khó được giải-nghĩa rõ-ràng. Mấy câu hỏi để em tập trả lời. Trang cuối cùng là bản mục-lục ghi đầu bài và số trang.

Nhờ có quyển «Tập-dọc quốc-văn» mà em đọc trơn, viết đúng chữ Việt. Nhờ có nó mà em hiểu biết thêm.

Bởi vậy em giữ-gìn quyển sách của em rất cẩn-thận. Ngoài bìa bọc thêm một tờ giấy bóng màu da cam. Em mở sách nhẹ-nhàng cho mép giấy khỏi cong.

Em quý quyển sách tập-dọc của em vì nó giúp ích cho em về đường học-vấn. Nó lại nhắc em nhớ đến cái kỷ-niệm tốt đẹp trong kỳ phát phần thưởng vừa qua.



BÀI 18

Cái hộp bút

DÀN BÀI

MỞ BÀI : Em mua cái hộp bút vào dịp nào ? Giá bao nhiêu ?

THÂN BÀI :

- a) Hộp bút bằng gì ? Nhẹ hay nặng ? Màu gì ?
- b) Kích thước bao nhiêu phân ?
- c) Hộp có mấy phần ? Nắp thế nào ? Bản-lề, khóa.
- d) Đáy có mấy ngăn ? Mỗi ngăn đựng gì ?
- e) Cách giữ-gìn : Mở, đóng nhẹ-nhàng. Lau hộp.

KẾT-LUẬN : Em quý cái hộp bút vì để những đồ-dùng học-sinh vào đấy được gọn-gàng, khỏi mất-mát.

BÀI LÀM

Nhân dịp tết Nguyên-dán âm-lich, em được ba chục đồng tiền mừng tuổi. Em đến hiệu sách mua ngay cái hộp đựng bút mà em mong-ước từ lâu.

Cái hộp bút bằng nhựa đúc, màu xanh lơ, nhẵn thín, mỏng và nhẹ. Hộp dài độ hai mươi phân, rộng năm phân, dày hai phân.

Hộp có hai phần : nắp và đáy. Nắp khum-khum, mặt nắp có hình một lá nho kèm hai cái nhánh. Phía sau có hai cái khuy giữ nắp dính vào đáy. Phía trước cũng có một cái khuy thay cho cái khóa. Khi đóng hộp, cái khuy đóng chặt vào đáy, nghe «tách» một tiếng. Khi mở hộp, tay em sẽ ấn vào đấy, một tay nâng nắp hộp lên.

Đáy hộp có ba ngăn. Ngăn dài nhất đựng quần bút. Ngăn thứ hai đựng bút chì và phấn. Ngăn thứ ba đựng ngòi bút và hòn tầy.

Từ ngày có cái hộp, bút của em không bị gãy ngòi. Các thứ dụng-cụ được xếp đặt gọn-gàng đỡ mất-mát. Bởi vậy, em giữ-gìn cái hộp bút cẩn-thận lắm. Em mở đóng cái hộp nhẹ-nhàng cho khỏi hỏng khóa. Hằng ngày em lau hộp cho sạch phần và bụi-bàn.

Em quý cái hộp bút ấy lắm. Vì ngoài những sự ích lợi như trên, nó còn nhắc cho em nhớ đến cái kỷ-niệm tốt đẹp trong dịp tết Nguyên-dán vừa qua. Em cố giữ cái hộp bút ấy dùng được vài ba năm, cho tới khi hết thời-kỳ học ở trường tiểu-học.



BÀI 19

Cái quần bút

DÀN BÀI

Mở bài : Quần bút của em cũ hay mới ?

Thân bài :

- a) Quần bút bằng gì ?
- b) Quần bút dài độ mấy phân ? Hai đầu thế nào ? Sơn màu gì ?
- c) Nõn bằng gì ? Hình gì ? Để làm gì ?
- d) Ngòi bút hình gì ? Sắc gì ? Giữa ngòi có khe nhỏ để làm gì ?

e) Khi viết em sẽ ấn ngòi bút xuống thì mực thế nào ?

g) Ích lợi : Chép bài, làm bài.

h) Giữ gìn : Lau ngòi. Không nô-đùa phóng bút xuống bàn.

KẾT-LUẬN : Tuy giá rẻ mà quản bút rất cần. Em quý nó chẳng khác gì cái bút máy.

BÀI LÀM

Sáng qua, mẹ em cho em hai đồng để mua một cái quản bút mới.

Cái quản bút bằng nhựa đúc cầm nhẹ lắm. Quản bút dài bộ mười ba phân. Phần trên thon-thon nhỏ, sơn màu đỏ chói Phần dưới to hơn, sơn màu đen. Quản bút tròn nên cặp vào ba đầu ngón tay để viết rất dễ-dàng.

Đầu quản có cái nòn bằng sắt chẻ làm bốn khía. Vì vậy, cắm ngòi bút vào mới chặt và tháo ngòi bút cùn ra cũng dễ. Ngòi bút bằng thép, giống hình lá rậm, mỏng-mảnh và sáng óng-ánh. Giữa có cái khe nhỏ tắp để chứa mực. Đầu nhọn để viết xuống giấy, đầu bằng cắm vào quản.

Khi viết em chấm ngòi vào mực. Em sẽ ấn ngòi bút xuống giấy, mực chảy ra đều-đều.

Thường ngày em dùng cái quản bút đến năm sáu giờ, cả ở trường lẫn ở nhà. Cái quản bút giá có hai đồng mà thật là cần-thiết. Không có nó thì viết sao được bài làm, chép sao được bài học. Thầy giáo em vẫn khuyên chúng em nên dùng bút thường viết tập cho tốt chữ. Học trò nhỏ không nên dùng bút máy.

Em giữ-gìn cái quản bút ấy như những đồ-dùng đắt tiền khác. Lúc viết em dùng một thứ mực cho ngòi khỏi dỉ. Viết xong em để vào hộp cho bút khỏi gầy. Em không phóng ngòi bút xuống bàn như mấy người bạn tính-nghịch.

Em nghĩ bụng rằng cái gì cần-thiết cho mình là quý, chứ không phải quý ở chỗ nhiều tiền.

*

BÀI 20

Cái bàn học-trò

DÀN BÀI

MỞ BÀI : Lớp em có bao nhiêu bộ bàn-ghế ? Bàn em ngồi kê vào chỗ nào ?

THÂN BÀI :

- a) Bàn bằng gỗ gì ? Cũ hay mới ? Còn chắc-chắn không ? Màu gì ?
- b) Bàn dài, rộng, cao bao nhiêu ?
- c) Mặt bàn thế nào ? Có gì ? (Lỗ lộ mực — Khe để bút.)
- d) Ngăn bàn đựng gì ?
- e) Ghế có đóng liền vào bàn không ? Chân ghế cao độ bao nhiêu phân ?
- g) Giữ-gìn cho sạch-sẽ và bền lâu.

KẾT-LUẬN : Em mến cái bàn học chẳng khác gì một người bạn thân, vì ngày nào em cũng ngồi bên nó hằng mấy giờ liền.

BÀI LÀM

Lớp em có mười lăm bộ bàn ghế, kê làm ba hàng. Bàn em ngồi là bàn thứ nhất, kê liền ngay chỗ cửa vào lớp.

Bàn bằng gỗ gỗ, mới đóng rất chắc-chắn. Sơn màu nâu sẫm óng-ánh còn thoang-thoảng thơm.

Bàn dài độ hai thước, rộng độ bốn mươi phân. Bàn cao vừa tầm cho chúng em ngồi.

Mặt bàn nhẵn và hơi nghiêng-nghiêng để viết được dễ-dàng. Mép bàn có một cái khe cong-cong để quản bút cho khỏi rơi. Trên cái khe ấy, cách khoảng đều nhau, có bốn lỗ để lộ mực cho khỏi dỏ.

Dưới mặt bàn có một cái ngăn bằng tấm gỗ mỏng, để cặp sách cho gọn-gàng. Cái ghế đóng liền với bàn. Mặt ghế là ba thanh gỗ ghép lại cách khoảng nhau độ hai phân. Chân ghế cao độ bốn mươi phân. Bàn ghế đóng liền nhau thì chắc-chắn và bền lâu, nhưng nó cũng có sự bất tiện, vì nó nặng-nề cồng-kênh làm cho quét lớp học thêm khó-khăn.

Hằng ngày chúng em ngồi cạnh bàn mà làm bài hoặc nghe thầy giảng bài. Bởi vậy chúng em phải giữ-gìn bàn ghế cẩn-thận. Chúng em thay phiên nhau lau bàn ghế cho sạch bụi. Không đánh giấy mực ra bàn. Không lấy dao vạch lên mặt bàn. Không dun dầy mạnh cho khỏi long mộng hoặc gãy chân bàn.

Em quý cái bàn học chẳng khác gì một người bạn tốt. Vì ngày nào em cũng ngồi bên cạnh nó hàng ba bốn giờ liền. Suốt một năm học em ngồi nguyên một chỗ ở cái bàn ấy. Hình như nó cũng thăm nhắc-nhở em đến nhiều kỷ-niệm êm-dềm.



BÀI 21

Tấm lịch treo tường

DÀN BÀI

MỞ BÀI : Tấm lịch treo tường do ai tặng ? Vào dịp nào ? Treo ở chỗ nào ?

THÂN BÀI :

- a) Tấm lịch bằng gì ? Hình gì ? Dài, rộng bao nhiêu phân ?
- b) Vẽ hình gì ? (Cây cỏ — loài vật...) Tô những màu gì ?
- c) Giữa có tập giấy lịch in ngày tháng dương-lịch và âm-lịch.
- d) Ích lợi : Biết đích ngày tháng để làm việc.

KẾT-LUẬN : Nhìn lên tấm lịch em có cảm tưởng gì ?

BÀI LÀM

Cuối tháng chạp dương-lịch năm ngoái, cha em được ông bạn la chủ hiệu sách tặng một tấm lịch. Tấm lịch ấy treo trên tường ở giữa buồng khách.

Tấm lịch là một mảnh giấy bìa hình chữ nhật, dài độ năm mươi phân, rộng độ ba mươi phân.

Cả tấm lịch là một bức tranh sơn-thủy tô màu thật đẹp. Đây một cây thông già, thân cong-queo, vỏ xam-xám, với những cành đầy lá nhỏ lẫn-tăn. Dưới gốc thông, một con hạc, lông trắng, chân cao, vươn cổ nhìn một con khác ở trên không

đang vỗ cánh bay tới. Kia một con hươu sao đang giương đôi sừng lẻo-khẻo, nghèn cổ nhìn vu-vơ, như có vẻ ngờ-vực, sợ-sệt. Bên cạnh một con khác nằm xoài, duỗi bốn chân ra như đã ăn no nằm nghỉ. Xa xa mấy ngọn đồi nhấp-nhỏ vắng-vẻ. Mặt trời sắp lặn, ánh-sáng phản-chiếu lên nền trời những màu đỏ chói vàng rực.

Phía trên tấm lịch, trong một khung giấy trắng, có hai chữ tên hiệu sách kèm theo địa-chỉ. Phía dưới và chính giữa mảnh bìa là một tập giấy lịch. Tập giấy lịch gồm ba trăm sáu mươi lăm tờ giấy mỏng, nhỏ xiu, xếp chồng lên nhau, tờ nọ dán đè lên tờ kia. Mỗi tờ chia làm hai phần. Phần trên là ngày tháng dương-lịch với chữ số ngày in thật to. Phần dưới là ngày tháng âm-lịch, vừa chữ quốc ngữ vừa chữ nhỏ, có lẽ để tiện dụng cho các người Hoa-kiều không biết chữ Việt.

Hằng ngày, mỗi buổi sáng sớm, em bóc một tờ lịch để mọi người biết rõ ngày tháng. Cha mẹ em biết ngày tháng để nhằm tính công việc buôn bán, làm ăn. Chúng em biết ngày tháng để ghi sẵn vào vở bài học, bài làm. Mỗi buổi chiều, nhìn vào tờ lịch em còn nhằm lại xem ngày nào có bài thi tam-cá-nguyệt để học ôn.

Tấm lịch treo tường thật là đáng quý. Nó thay cho bức tranh đề trang-hoàng phòng khách. Nó thăm khuyên em cố-gắng học-hành, vì « Thời giờ là vàng bạc ».



BÀI 22

Lớp em học

DÀN BÀI

MỞ BÀI : Lớp em ở chỗ nào ? (Ở đầu dãy, gần cổng vào ? liền với phòng ông Hiệu-trưởng).

THÂN BÀI :

- a) Tường gạch. Mái ngói. Trần.
- b) Dài, rộng, cao độ bao nhiêu thước ?

- c) Tường quét vôi gì ? Trang-hoàng bằng gì ? (Tranh ảnh, bản đồ...)
- d) Bàn ghế xếp đặt thế nào ?
- e) Lớp học sáng-sủa, rộng-rãi. Tại sao ? Cửa ra vào, cửa sổ sơn màu gì ?
- g) Giữ-gìn lớp học.

KẾT LUẬN : Em quý mến lớp học. Vì hằng ngày em tới đây học-hành vui-vẻ. Trên có thầy, dưới có bạn. Em cố-gắng học để xứng đáng với cái lớp học trang-hoàng đẹp-đẽ như vậy.

BÀI LÀM

Em học lớp Ba trường tiểu-học Ngã-sáu. Lớp em ở ngay đầu dãy, liền với cổng trường.

Lớp học xây bằng gạch. Mái ngói đã phủ rêu loang-lổ. Dưới mái có trần bằng gỗ cho đỡ nóng.

Lớp học hình chữ nhật, dài tám thước, rộng sáu thước. Tường cao độ năm thước.

Tường quét vôi xanh nhạt. Trên tường treo nhiều tranh ảnh tô màu để học cách-tri và hai bản-đồ để học địa-lý. Khoảng giữa tường, ngay trên bàn giấy thầy giáo, treo bức chân-dung Ngô Tổng-Thống lồng trong khung kính. Bên dưới treo các bảng cần-thiết của lớp học, như bảng danh dự, bảng bài thi, bài học thuộc lòng. Bảng nào cũng viết cẩn-thận và lồng trong cái khung gỗ, sơn màu nâu sẫm.

Bàn giấy thầy giáo và bàn ghế học trò đều bằng gỗ gõ sơn bóng loáng và xếp đặt thành hàng lối phân-minh. Trong lớp học có đủ các màu sắc làm cho mọi người bước chân vào lớp đều tấm-tắc khen thắm. Màu tường xanh nhạt, trần trắng xóa, màu tranh vẽ đỏ xanh, màu quần xanh áo trắng đồng phục của học trò, màu hoa vàng đỏ cắm trong lọ thủy-tinh. Thêm vào cảnh mỹ-thuật ấy lớp học em lại sáng sủa, thoáng hơi, mát mẻ, vì có nhiều cửa sổ rộng-rãi và một cửa ra vào thật to. Cánh cửa chớp sơn màu xanh lá cây che lấy cánh cửa kính trong suốt.

Chúng em giữ-gìn lớp học cho sạch-sẽ. Không bôi nhọ lên tường. Không vứt giấy vụn xuống đất. Trước khi vào lớp chúng em phải có giấy dệp cho sạch cát.

Em quý mến lớp học chẳng khác gì cái phòng học riêng của em ở nhà. Hằng ngày em đến đây học-hành vui-vẻ, trên có thầy, dưới có bạn. Em cố-gắng học tập để cho xứng-dáng với lớp học trang-hoàng đẹp-đẽ thế này.



BÀI 23

Tủ sách của nhà em

BÀN BÀI

MỞ BÀI : Cái tủ sách kê ở chỗ nào ?

THÂN BÀI :

- a) Tủ bằng gỗ gì ? Cao, rộng, sâu độ bao nhiêu phân ?
- b) Cửa tủ, sau tủ, hai bên bằng gỗ hay bằng kính ? (Màu gì ?)
- c) Khóa thế nào ?
- d) Sách xếp đặt thế nào ? Ngăn nào để sách in ? Ngăn nào để sách vở thường dùng ?
- e) Ích lợi. Sách học được xếp đặt có thứ tự ngăn-nấp.
- g) Giữ-gìn : Lau chùi — Mở, đóng nhẹ-nhàng.

KẾT-LUẬN : Nhìn vào tủ sách như ghi nhớ lại những kỷ-niệm bao nhiêu năm đi học. Ước-mong mua thêm nhiều sách quý để lập thành « tủ sách gia-đình ».

BÀI LÀM

Tủ sách của nhà em kê sát vào tường và ở góc buồng khách. Vì hằng ngày chúng em học bài ở đấy.

Tủ sách bằng gỗ gõ, sơn màu nâu, lâu năm nên đã ngả sang màu đen.

Tủ cao độ một thước rưỡi, dài độ sáu mươi phân, rộng độ bốn mươi phân.

Tủ có hai cánh và mặt sau bằng gỗ mỏng. Mặt trước có hai

cánh cửa kính để nhìn rõ các thứ sách. Kiểu đóng què-kệch chẳng có vẻ gì là mỹ-thuật. Nhưng được cái mộng nó bén sát, không có lỗ hở nào, đến con gián cũng không chui lọt. Cửa được đóng kín bằng cái khóa móc vào hai cái khuy sắt.

Trong tủ có ba ngăn. Ngăn trên cùng để mấy quyển tự-vị và mấy quyển sách cũ của cha em. Ngăn giữa xếp các sách học của anh chị em. Ngăn dưới cùng xếp những sách vở của chúng em còn học ở bậc tiểu-học. Ngăn nào cũng chật ních những sách, quyển thì cũ, quyển thì mới.

Cách vài ba ngày anh em lại xếp sách lại một lần cho có thứ-tự. Vì tủ hẹp, sách không để dựng gáy ra ngoài được, nhưng chúng em đã dùng quen lắm, nên thoáng nhìn quyển nào là biết ngay.

Nhờ có cái tủ ấy mà sách vở xếp đặt có ngăn-nấp, không bị mất-mát. Và mỗi khi dùng đến khối mất thì giờ tìm kiếm.

Mỗi buổi sáng, sau khi quét nhà, em lau tủ sách cho sạch bụi. Em mở hay đóng tủ rất nhẹ-nhàng cho khỏi vỡ cửa kính.

Mẹ em quý tủ áo thể nào thì chúng em quý tủ sách như vậy. Vì trong tủ có đủ sách vở cũ hay mới. Nhìn vào đấy trong ký-ức em hiện ra bao nhiêu kỷ-niệm tốt đẹp. Em ước mong mua thêm dần dần nhiều sách quý để lập thành «tủ sách gia-đình».



BÀI 24

Cái đồng-hồ báo thức

DÀN BÀI

MỞ BÀI : Cái đồng-hồ báo thức của nhà em mua tự bao giờ ?

THÂN BÀI :

- a) Vỏ đồng-hồ bằng gì ? Hình gì ? — Màu gì ?
- b) Mặt kính — Mặt đồng-hồ — Chữ số — Kim — Kim chỉ giờ báo thức.
- c) Phía sau có hai cái chìa khóa để làm gì ?
- d) Ghé tai vào gần đồng-hồ nghe tiếng máy chạy thế nào ? Lúc báo thức tiếng chuông kêu thế nào ?

- e) Ích lợi : Cha mẹ em và các em nhìn vào đồng hồ làm gì ?
- g) Giữ-gìn : Lên dây đúng giờ. Lau bụi.

KẾT-LUẬN : Em mến cái đồng hồ vì nó cho em giờ để học bài và đi học đúng giờ.

BÀI LÀM

Cái đồng-hồ báo thức của nhà em mua đã bốn năm nay.

Đồng-hồ hình tròn. Vỏ bằng sắt sơn đỏ đã phai màu, hơi xám đen một chút. Dưới mặt kính là mặt đồng-hồ màu trắng nhạt. Trên mặt đồng-hồ có mười hai chữ số La-mã bằng chất dạ-quang xanh hoa lý, viền màu đen. Chính giữa, hai cái kim có chất dạ-quang xoay chung quanh một cái trục nhỏ. Phía trên cái trục có một vòng tròn nhỏ ghi mười hai chữ số nhỏ xiu. Giữa vòng tròn nhỏ lại có một cái kim nhỏ để chỉ vào giờ nào định thức dậy. Phía sau đồng hồ có cái chìa khóa để lên dây chuông. Đến giờ báo thức tiếng chuông réo lên hàng hồi lâu. Tỉnh giấc rồi em phải ấn lên cái nút trên vỏ đồng-hồ cho chuông dừng lại. Cái chìa khóa thứ hai để lên dây hằng ngày cho đồng-hồ chạy đều. Những cái chìa khóa ấy cũng bằng đồng đỏ và cũng xám đi rồi, không còn óng-ánh như trước nữa. Phía dưới đồng-hồ có ba cái nút tròn dính liền vào nhau bởi một miếng đồng mỏng thay cho cái đế ba chân.

Cha em để cái đồng-hồ trên nóc tủ sách, bên cạnh bàn giấy. Nghe tiếng máy chạy đều đều như giục em phải học-hành cần-mẫn. Nhìn lên kim đồng-hồ em biết đúng thời-giờ mà làm bài, học bài hay đi nhà trường.

Cái đồng-hồ dùng được lâu như vậy là do cha em biết giữ-gìn cẩn-thận. Lên dây vừa-vặn, không chặt quá cũng không lỏng quá. Mỗi năm cha em đưa thợ lau dầu một lần.

Em quý cái đồng-hồ ấy lắm. Nó đánh thức em dậy sớm để học-hành tấn-tới. Em coi nó như một vị cố-vấn kiểm-soát công-việc hàng ngày của em.

BÀI 25

Cái nón lá

DÀN BÀI

MỞ BÀI : Cái nón lá của em (hoặc của mẹ em) mua tự bao giờ ?
Giá bao nhiêu ?

THÂN BÀI :

- a) Cái nón khung bằng gì ? Nặng hay nhẹ ?
- b) Ngoài lớp bằng gì ? Mỏng hay dày ? Có thấm nước không ?
Sắc gì ?
- c) Chỉ khâu bằng gì ? Sắc gì ?
- d) Quai bằng gì ? Buộc thế nào ? Sắc gì ? Khi đội nón làm thế
nào ?
- e) Ích lợi : Che nắng, mưa.
- g) Treo nón lên móc để khỏi rách.

KẾT-LUẬN : Em quý cái nón ấy vì mỗi khi đi đâu nó cũng đi sát với
em. Đi đường xa có khi nó an-ủi em như một người
bạn thân.

BÀI LÀM

Trước hôm khai-trường, mẹ em mua cho em một cái nón
lá, giá hai mươi lăm đồng.

Nón hình tròn, trông nó to mà cầm nhẹ hơn cái mũ trắng
của anh em.

Nón lớp bằng lá gồi mỏng và trắng óng-ánh. Những mảnh
lá được khâu liền vào những cái vòng bằng giang nhỏ như
cái que tăm. Những sợi tơ màu vàng khâu đè lên lá màu trắng
làm thành những đường vòng tròn đều-đặn. Lá gồi không thấm
nước làm cho cái nón vẫn được nhẹ-nhàng trong khi gặp mưa.

Dưới cặp nón có cái quai bằng lụa màu hồng. Em đề cái
nón lên đầu, móc cái quai vào cằm. Dù có mưa gió cái nón
vẫn bám chặt trên đỉnh đầu, không xê-xịch đi được.

Mỗi buổi học, hai lần đi về, cái nón che cho em khỏi bị
mưa nắng. Người ta bảo khi đi đường đội nón lên đầu trông có

vẻ đúng-đắn thêm lên. Đôi khi cũng có cô nữ-sinh đội mũ mà
kém về lịch-sự, không bằng đội nón.

Khi đi học về, em treo nón lên cái móc cho khỏi bẹp. Hễ
gặp mưa ướt nón là em phải phơi cho nó đi.

Em quý cái nón ấy như một chị em bạn thân, vì hằng ngày
nó đi sát với em. Khi đi đường xa vắng, em coi nó như người
bạn thân tin.



BÀI 26

Cái mũ nút chai

DÀN BÀI

MỞ BÀI : Cái mũ nút chai của em mua tự bao giờ ? Giá bao nhiêu ?

THÂN BÀI :

- a) Mũ hình gì ? Giống cái gì ?
- b) Mũ bằng gì ? Lớp bằng gì ? Sắc gì ? Phía ngoài, phía trong
khác nhau thế nào ?
- c) Đai thế nào ?
- d) Ria thế nào ? Đè làm gì ?
- e) Quay bằng gì ? Đè làm gì ?
- g) Ích lợi : Che nắng. Khi đi đường tóc khỏi bù lên.
- h) Giữ-gìn : Không bôi mực vào mũ. Không vắt xuống đất
Treo lên mắc áo. Đánh phấn.

KẾT-LUẬN : Em quý cái mũ ấy vì mỗi khi đi học hoặc đi chơi là
em đội mũ.

BÀI LÀM

Mẹ em mới mua cho em một cái mũ trắng, giá năm chục
đồng.

Cái mũ hình tròn, giống như nửa quả dưa hấu.

Mũ bằng nút chai, vừa không ngấm nước vừa nhẹ nhàng.
Phía ngoài bọc vải trắng. Phía trong bọc vải xanh lá cây. Trong

vành mũ có miếng da màu nâu để dễ lau mồ-hôi. Ngoài mũ có hai cái đai là nhiều khía vải dính vào nhau cho có vẻ mỹ-thuật. Chung quanh rìa mũ, dăng trước và dăng sau rộng hơn hai bên để che ánh nắng khỏi chiếu thẳng vào mặt và vào gáy. Cái quai bằng ni-lông màu trắng dắt lên rìa mũ về phía trước. Khi gió to, cái quai ấy được quàng xuống cầm cho mũ khỏi bị bay.

Hằng ngày đến trường em đội mũ che mưa nắng. Hôm nào để quên mũ mà gặp trời nắng to là bị nhức đầu. Có thể mới biết cái mũ là cần. Lúc đi đường tóc bù lên thật là khó coi. Đôi khi gặp người trên, cất mũ ra chào, có vẻ lễ-phép và tiện lắm.

Bởi vậy, em giữ-gìn cái mũ của em rất cẩn-thận. Em không đánh giầy mực vào mũ. Không quăng mũ xuống đất. Đi học về em treo mũ lên mắc áo. Cách vài tuần-lẽ em lại lấy phấn đánh mũ cho thật trắng.

Em quý cái mũ như một người bạn thân, vì đi học hay đi chơi, nó luôn luôn đi sát với em.



BÀI 27

Cái giành - ấm

DÀN BÀI

MỞ BÀI : Mẹ em mua cái giành-ấm vào dịp nào ? Tại sao ?

THÂN BÀI :

- a) Cái giành-ấm hình gì ? Đường vòng tròn dài độ mấy phân ? Cao độ mấy phân ?
- b) Cái giành-ấm bằng gì ? Vẽ hình gì ?
- c) Trong lót bằng gì ? Nắp bằng gì ?
- d) Ấm nước trà thật nóng đựng vào giành-ấm nóng được bao lâu ?
- e) Giữ-gìn : Lau bụi—Mỗi khi cầm giành-ấm chỗ nọ ra chỗ kia phải để ý cho khỏi sứt đáy.

KẾT-LUẬN : Em thích cái giành-ấm vì có nó trong nhà mới có nước nóng uống cả ngày. Cái giành-ấm mới để trang-hoàng trong phòng khách trong mấy ngày tết Nguyên-đán.

BÀI LÀM

Hằng năm, gần đến tết Nguyên-đán âm-lịch, mẹ em lại mua một cái giành-ấm mới. Vì ngày tết có lắm khách đến chơi, nên tiếp khách cần phải có ấm nước trà nóng.

Cái giành-ấm hình tròn, đường vòng tròn độ năm chục phân, cao độ ba chục phân.

Cái giành-ấm bằng sắt tây. Mặt ngoài có nhiều nếp liền nhau để màu sơn được bền và tăng vẻ mỹ-thuật. Mặt ngoài, theo vòng tròn, chia làm ba phần : Phần trên và phần dưới, hơi khum-khum, vẽ màu hồng. Phần giữa vẽ ba con rồng châu mặt nguyệt, màu đỏ xanh rực-rỡ.

Bên trong lót bông bọc vải hoa để vừa-vặn cái ấm. Trên đây cái nắp bằng bông bọc vải màu hồng.

Một ấm trà mới pha nước sôi ủ vào cái giành-ấm có thể nóng được năm sáu giờ. Gia-đình em sẵn có ấm nước nóng suốt ngày, vì mỗi bữa cơm lại pha nước một lần.

Cái giành-ấm được giữ gìn rất cẩn-thận. Thỉnh-thoảng em lấy giẻ ẩm lau cho sạch bụi. Cái đáy nó hay bị sứt, nên mỗi khi cầm giành-ấm chỗ nọ ra chỗ kia em phải chú-ý bụng bằng hai tay.

Em thích cái giành-ấm ấy vì cái vẻ mỹ-thuật mới-mẻ của nó có thể trang-hoàng phòng khách trong ba ngày tết Nguyên-đán. Năm mới phải có bộ ấm chén và giành-ấm mới để tiếp khách cho thêm phần lịch-sự. Suốt ngày trong nhà thường có nước nóng uống cho hợp vệ-sinh. Bởi vậy, chúng em cố giữ cái giành-ấm dùng được hết năm.



BÀI 28

Cái lọ hoa

DÀN BÀI

MỞ BÀI : Mẹ em mua cái lọ hoa vào dịp nào ? Giá bao nhiêu ? mua ở đâu ?

THÂN BÀI :

- a) Cái lọ bằng gì ? Màu gì ?
- b) Lọ hình gì ? Cao bao nhiêu ?
- c) Đáy lọ — Thân lọ — Miệng lọ.
- d) Cắm hoa vào lọ thấy thế nào ? Bày lên đâu ?
- e) Giữ-gìn : Chính tay cha em lau lọ hoa cho khỏi vỡ. Cắm trẻ nhỏ không được sờ vào lọ hoa.

KẾT LUẬN : Cha em ngắm-nghĩa cái lọ hoa, có vẻ thích lắm...

BÀI LÀM

Hôm gần tết Nguyên-dán âm-lịch, mẹ em đi Chợ-lớn hai ba bận mới mua được cái lọ hoa. Vì mẹ em thích thứ lọ đẹp, phải mua tới giá sáu trăm đồng.

Cái lọ hoa ấy bằng pha-lê, trắng tinh và trong suốt.

Có lọ tròn, cao độ năm mươi phân. Đáy nó dày, chỗ phình ra, chỗ lõm vào, phía dưới vẽ một vòng kim-nhũ vàng óng-ánh. Thân lọ vẽ hai cây thông già đầy những chùm lá lẩn-tẩn. Dưới gốc cây, một con hươu, sừng dài lẻo-khẻo, co chân chạy vội lại với con nó đang tha-thần gặm chòm lá non. Miệng lọ loe rộng điếm hai vòng kim-nhũ.

Cái lọ trong trắng ấy được điếm mấy giò hoa huệ trắng muốt, mấy giò «lay-on» hồng-hồng làm tăng vẻ đẹp trong phòng khách. Mấy hôm Tết ai vào chơi cũng tấm-tắc khen mẹ em khéo chọn cái lọ hoa vừa nhã vừa đẹp. Nhìn những bông hoa đang chớm nở, một bà bạn mỉm cười nói với mẹ em : « Bác chọn hoa khéo quá. Hoa này cắm vào cái lọ này xứng lắm nhỉ. »

Cha em giữ-gìn cái lọ hoa cẩn-thận lắm. Mỗi buổi sáng, chính tay người thay nước vào lọ. Người lấy giẻ ẩm sẽ lau cái lọ cho sạch bụi. Người cấm chúng em không bước sờ vào đấy, sợ nó đổ vỡ.

Địp tết Nguyên-dán, gia-đình em sắm-sửa nhiều thứ mới, thế mà cha em cho cái lọ hoa là quý nhất. Có lúc người ngắm nghĩa lọ hoa hàng nửa giờ đồng-hồ, tỏ vẻ thích lắm. Có lẽ em không có con mắt mỹ-thuật nên không hiểu nó đẹp về cái gì mà đắt tiền thế !

BÀI 29

Cái chạn

DÀN BÀI

MỞ BÀI : Cái chạn của nhà em kê ở đâu ? Tại sao ?

THÂN BÀI :

- a) Chạn bằng gỗ gì ? Màu gì ?
- b) Kích thước bao nhiêu phân ?
- c) Mấy ngăn ? Mỗi ngăn khác nhau thế nào ? Mỗi ngăn đựng gì ?
- d) Chân chạn kê bằng gì ?
- e) Trên nóc chạn để gì ?
- g) Ích lợi : Giữ cho đồ ăn sạch-sẽ. Để xếp bát đĩa gọn-gàng.
- h) Giữ-gìn : Lau chùi luôn.

KẾT-LUẬN : Có chạn thì đồ ăn thức đựng mới sạch-sẽ, hợp vệ-sinh.

BÀI LÀM

Cái chạn của nhà em kê ở xo bếp, để tiện việc thổi nấu cho mẹ em.

Cái chạn bằng gỗ dầu, sơn màu nâu nhạt. Vì ám khói lâu ngày nên màu nó đã đen xạm đi như sơn hắc-in.

Cái chạn cao độ một thước bốn tấc, rộng độ năm tấc, sáu ba tấc. Mặt sau chạn là mảnh gỗ mỏng. Hai bên thành và cửa chạn đều căng lưới sắt cho ánh sáng lọt vào. Nhờ vậy muốn tìm cái gì là thấy ngay.

Trong chạn có ba ngăn. Ngăn trên cùng đựng các món ăn đã nấu chín. Ngăn thứ hai để mấy cái liêu đựng đồ gia-vị như muối, ớt, hành, tỏi. Ngăn dưới cùng xếp từng chồng bát đĩa, cái thì bằng sứ trắng tinh, cái thì bằng sắt tây trắng men xanh, đỏ.

Bốn chân chạn kê bốn cái chậu sành đầy nước, giữ cho kiến không bò lên chỗ để đường, mỡ. Trên nóc chạn để vài cái chai đựng nước mắm, tương.

Cái chạn căng lưới sắt giữ cho đồ ăn khỏi bị ruồi nhặng bâu vào. Bát đĩa xếp gọn-gàng trong chạn khỏi bị chuột bọ sờ vào.

Hằng ngày mẹ tôi lau chùi cái chạn cho sạch bụi. Thỉnh-

thoảng lại rửa chạn và phơi nắng cho nó khỏi hôi-bám. Mỗi khi lấy đồ ăn ở chạn ra hay xếp bát đĩa vào rồi, mẹ em khóa liền ngay tủ lại.

Mẹ em đề ý suốt ngày đến cái chạn, không phải vì nó đắt tiền. Mà chính vì nó cần thiết : Có nó thì đồ ăn, thức đựng mới giữ được sạch-sẽ, hợp vệ-sinh.



BÀI 30

Nhà cha mẹ em ở

DÀN BÀI

MỞ BÀI : Nhà cha mẹ em ở đâu ? Gần chỗ nào ? (Gần trường-học, chợ hay đình, chùa...)

THÂN BÀI :

- a) Nhà có mấy ngăn ? Tả riêng từng ngăn.
- b) Các ngăn phụ-thuộc : buồng tắm, bếp.
- c) Sân — Vườn.

Chú ý : Tả kỹ những phần chính như phòng khách, phòng ngủ, vườn. Còn phần phụ chỉ nói qua.

KẾT-LUẬN : Em mến nhà cha mẹ em vì ở đây, sớm tối gia-đình sum-hợp. Đôi khi đi đâu xa một vài hôm là em thấy nhớ nhà lắm.

BÀI LÀM

Nhà cha mẹ em ở trên đại lộ Nguyễn-tri-Phương. Từ nhà em đến trường tiểu-học Ngã-sáu đi bộ chừng năm sáu phút.

Nhà em làm trên một mảnh đất hình chữ nhật, rộng độ bốn thước, dài đến mười ba mươi bốn thước. Nhà quay mặt về hướng đông, cách đường phố chừng năm sáu thước. Ngay cửa vào là phòng khách được trang-hoàng lịch-sự. Trên tường treo bốn tranh sơn-thủy lồng trong khung kính. Giữa phòng bày một bộ ghế sơn màu trắng học vải xanh với một cái bàn nhỏ chân thấp. Bên cạnh là cái tủ sách kê sát vào tường.

Liên với phòng khách là phòng ngủ, kê giường, sập và một tủ áo bằng gỗ gõ, sơn màu nâu sẫm với một cánh cửa lắp kính

sáng loáng. Qua một cái sân con đến cái bếp và buồng tắm.

Mặt trước và bên trái buồng khách có cái vườn hình thước thợ, rộng chừng năm sáu thước. Trong cái vườn nhỏ hẹp ấy trồng mấy cây đu-dủ, vài cây vú-sữa, cành lá rườm-rà. Ngay cửa buồng khách trồng mấy khóm huệ, hoa trắng muốt. Hai bên bày hai chậu cúc, hoa vàng sẫm. Lúc mặt trời lặn, ông em sai chúng em kê vài chiếc ghế dài ra vườn hoa. Những bông hoa lướt qua trước gió, mùi thơm thoang thoảng. Ông em vừa thưởng hoa vừa ngắm lũ cháu bé nô-đùa, chạy qua chạy lại.

Em mến nhà em lắm, vì ở đây, cả gia-đình em sớm tối sum-hợp vui-vẻ. Đôi khi có việc gì phải xa nhà một vài hôm, em thấy nhớ nhà, nhớ đến mọi người trong gia-đình.



BÀI 31

Cây bưởi

DÀN BÀI

MỞ BÀI : Trong vườn nhà em trồng cây ăn quả, như bưởi, cam, chuối, mít — Trong đó có cây bưởi đào trồng ở cạnh buồng em học, cách cửa sổ độ hai thước.

THÂN BÀI :

- a) Thân cây, gốc, vỏ.
- b) Cành, lá.
- c) Hoa. Quả (sắc, hương, vị).
- d) Ích-lợi : Cúng lễ. Tặng bà con. Bưởi ngọt lắm.

KẾT-LUẬN : Cha em quý cây bưởi đào ấy lắm. Quả chín tha-hồ ăn. Còn bán được lắm.

BÀI LÀM

Trong vườn nhà em trồng nhiều cây ăn quả, như bưởi, cam, chuối, mít... Em thích nhất cây bưởi đào, trồng ở cạnh buồng em học, cách cửa sổ độ hai thước.

Thân cây to bằng bắp đùi em và cao chừng hai thước.

Vỏ nó nhẵn, màu xam-xám. Cách mặt đất hai thước, thân cây tỏa ra hai cành to, dài đến ba bốn thước. Mỗi cành mang nhiều nhánh nhỏ, lá rậm um-tùm. Lá nó to bằng bàn tay em, dày và xanh biếc. Vào khoảng tháng sáu âm-lịch, hoa nở từng chùm, dày chi-chít trên cành. Những nụ to bằng ngón tay út, nở thành năm cánh trắng như bông bọc lấy những cái nhị nhỏ như sợi tóc, vàng như nghệ. Mùi hoa thơm phức. Mỗi trận gió to, cánh hoa rụng trắng xóa cả gốc cây. Độ ba tháng sau, những quả bưởi lớn, to bằng quả bóng da, lủng-lẳng trên cành, nặng trĩu xuống. Lúc quả chín vỏ nó hung-hung đỏ-đỏ, trông thật đẹp. Bỏ một quả chín ra xem. Những múi đỏ mòng-mọng, nước ngọt như đường, mùi thơm thoảng êm-dịu.

Khi cúng lễ bày một vài quả bưởi đào trên bàn thờ trông cũng đẹp. Đem tặng bà con mỗi nhà vài quả bưởi lấy làm qui lẫm. Sau mỗi bữa cơm, bóc một quả bưởi chín ra ăn trắng miệng, nước ngọt như cam đường.

Cha mẹ em quý cây bưởi đó lắm. Khách vào chơi nhà em ai cũng khen cây bưởi đào ấy vừa đẹp vừa lắm quả. Cha em bảo giá không hề bán và tặng bà con thì quả nó cũng bán được hơn ngàn đồng một năm.



BÀI 32

Cây chanh

DÀN BÀI

MỞ BÀI : Cây chanh trồng ở chỗ nào ?

THÂN BÀI :

- a) Thân cây cao độ mấy thước ? Thân to bằng nào ? Thẳng hay eo ? Vỏ sắc gì ?
- b) Cành thế nào ? Lá ?
- c) Hoa : mọc từng chùm, sai chi-chít. Cánh hoa nhỏ, nhị vàng.
- d) Quả nhỏ bằng nửa quả cam. Quả sai lắm. Quả chín vỏ sắc gì ? Mùi thơm thế nào ?

e) Ích lợi : Chanh quả pha với nước đường uống vừa mát, vừa ngọt, vừa thơm. Quả chanh lại là thứ gia-vị rất tốt.

KẾT-LUẬN : Trồng chanh không tốn bao nhiêu công mà quả rất sai và bán được lắm tiền.

BÀI LÀM

Ông ngoại em ở đồng quê. Chung quanh cái ao thả cá, ông em trồng đến hai chục cây chanh. Em thích cây chanh trồng cạnh cầu ao, vì nó sai quả và to nhất.

Thân cây to bằng cái bắp chân em và cao độ ba bốn thước. Thân nó ngã ra phía ao và những cành nó ngã gần đến mặt nước. Vỏ cây nhẵn và xam-xám. Có ba cành to mang rất nhiều cành nhỏ, lá rậm-rạp che kín cả cành cây. Lá nó nhỏ và mỏng hơn lá cam.

Hoa nó mọc thành chùm, sai chi-chít đầy cành. Hoa có năm cánh nhỏ màu tím, bọc lấy những cái nhị vàng sẫm, mùi thơm thoảng-thoảng.

Quả nhỏ bằng nửa quả cam. Cây chanh ấy sai đến gần năm trăm quả, làm cho cành cây lứt hẳn xuống. Quả chín vỏ vàng nhạt, vị chua và có mùi thơm thoảng, chứ không chua gắt như dấm. Quả chanh vắt lấy nước pha lẫn với đường và nước lọc, uống vừa chua, vừa ngọt, vừa thơm, vừa mát. Các món ăn cá, thịt phải có chanh làm gia-vị mới ngon.

Ở đồng quê nhà nào cũng trồng dăm bảy cây chanh để có quả ăn quanh năm. Trồng chanh không tốn bao nhiêu công mà quả nó sai lắm. Mỗi cây chanh bán quả cũng được bốn năm trăm đồng một năm, đủ tiền vật hằng ngày.



BÀI 33

Cây đu-đu

DÀN BÀI

MỞ BÀI : Vườn nhà em trồng hai hàng đu-đu. Mới trồng hơn một năm nay mà cây nào cũng sai trĩu những quả.

THÂN BÀI :

- a) Thân cây. Vỏ.
- b) Lá.
- c) Hoa.
- d) Quả.
- e) Ích-lợi : Quả chín ăn ngọt, bổ, dễ tiêu. Quả xanh để làm nộm, để nấu thịt.

KẾT-LUẬN : Người ta thích trồng đu-đu vì chóng được ăn quả.

BÀI LÀM

Vườn nhà em trồng hai hàng cây đu-đu. Mới trồng hơn một năm nay mà cây nào cũng sai trĩu những quả.

Thân cây cao độ hơn hai thước. Vì thân nó xoắn, không dẫn mây, nên người ta thường ngắt bớt ngọn đi, cho nó không lên cao quá, gió to khỏi bị gãy. Vỏ nó nhẵn, màu xanh nhạt, có nhiều khoanh tròn là những dấu-vết còn lại của những tàu lá đã rụng. Trên ngọn mọc tỏa làm đôi, có vài chục tàu lá mọc chen nhau. Lá to lắm, hình năm cạnh, có cái cuống rộng, dài đến năm mười phân. Lúc chơi đùa chúng em thường lấy cái cuống lá làm kèn thổi nghe cũng hay. Ở vào giữa khe các tàu lá, từng chùm hoa mọc tua-tủa gần kín ngọn cây. Hoa nó dài, to bằng đầu ngón tay út của em, màu xanh nhạt, mùi thơm hăng-hăng. Quả nó thon thon dài, một đầu to, một đầu nhỏ, sai chi-chít lông lằng trên ngọn cây. Quả chín vỏ lốm-đốm vàng nhạt. Bỏ ra xem, cùi nó đỏ, mềm nhũn, ngọt như đường thơm diu-dịu.

Quả chín ăn bổ và dễ tiêu. Sau bữa cơm tráng miệng bằng đu-đu chín là món ăn rất thường của mọi người. Quả chín còn dùng để cúng lễ. Quả xanh để làm nộm, để nấu thịt hay ép đường để làm mứt.

Nhà nào có mảnh vườn nhỏ cũng thích trồng đu-đu vì chóng được ăn quả. Nhà em trồng vài chục cây, có quả ăn quanh năm. Hằng năm, bán quả cũng được vài ngàn đồng.



BÀI 34

Cây hoa hồng

DÀN BÀI

MỞ BÀI : Cây hoa hồng của nhà em do ai trồng? Trồng từ bao giờ?

THÂN BÀI :

- a) Thân cây. Cành. Nhánh.
- b) Lá.
- c) Nụ hoa (Đài, cánh, nhị hoa) — Màu sắc. Hương thơm.
- d) Gió thổi, bướm lượn, hoa hồng đẹp.
- e) Cắm cành hoa hồng vào lọ trông rất đẹp.

KẾT-LUẬN : Tại sao người ta ưa trồng hoa hồng.

BÀI LÀM

Trong mảnh vườn nhỏ ở trước cửa nhà em có một cây hoa hồng. Cây hoa hồng ấy do tay ông em trồng đã hai năm nay.

Thân cây dài độ hai thước. Thân nó không cứng lắm, được buộc vào cái cọc tre cho nó cao lên. Vỏ cây đầy những gai nhỏ và nhọn. Lá nó mỏng-mảnh mềm-mại và ram-ráp. Trên những nhánh lá trổ ra những nụ chúm-chím và những hoa xinh-xắn. Những cánh hoa khum-khum, mỏng-mảnh, mềm-mại, đỏ rực, cái nọ ôm lấy cái kia, xòe ra to bằng cái đĩa. Giữa hoa điểm những nhị vàng chói nhỏ li-ti như sợi tơ vàng, mùi thơm thoang-thoảng như mùi hoa đào.

Ngọn gió thổi nhẹ-nhẹ, những bông hoa rung-rinh lướt qua lướt lại. Mấy con bướm cánh vàng tím sặc-sỡ, chấp-chờn trên bông hoa hồng làm cho những con mắt mơ-mộng nhìn không biết chán. Chiều chiều ông em ra vườn, ngắt bớt những lá úa. Ngắm-nghía những bông hoa tươi đẹp rồi nói với ông bạn già hàng xóm : « Hoa hồng đẹp thật ». Chả trách có nhà họa-sĩ hay vẽ « cảnh hồng con bướm » là phải. Thỉnh thoảng cụ ngắt một vài hoa cắm vào cái lọ thủy-tinh bày trên bàn. Màu hoa đỏ sẫm ánh xuống cái lọ pha-lê trắng trong, sao mà đẹp thế.

Cây hoa hồng khó trồng hơn những thứ hoa khác nên ông em lấy làm qui lắm. Em tưởng về màu-sắc có lẽ hoa hồng là thứ hoa đẹp nhất.

BÀI 35

Cây sen

DÀN BÀI

MỞ BÀI : Cây sen trồng ở đâu ?

THÂN BÀI :

- a) Thân cây.
- b) Lá.
- c) Nụ — Cuống — Hoa (cánh — nhị — sắc — hương) Gương sen.
- d) Ích-lợi : Hoa sen để cúng lễ. Cắm vào lọ hoa. Hạt sen để làm vị thuốc, làm mứt, nấu chè.

KẾT LUẬN : Người ta trồng sen ở hồ trước cửa đình chùa để làm cảnh và lấy hoa cúng lễ.

BÀI LÀM

Nhân dịp nghỉ hè vừa qua, em về chơi đồng quê. Đi qua một cái hồ sen ở trước cửa chùa, em đứng lại nghỉ chân và xem hoa.

Củ sen mọc ở dưới bùn. Những cuống lá dài đến hơn một thước vươn lên khỏi mặt nước. Lá hình tròn và to lắm, mặt trên nhẵn và xanh biếc, mặt dưới phơn-phớt trắng và rậm-ráp. Những cái nụ trắng mơn-mỏn giống như cái đèn xe đạp cũng mang cái cuống dài như cuống lá. Bên cạnh cái nụ xinh-xinh có những bông hoa tươi đẹp : Năm cánh hoa trắng như men sứ bọc lấy cái gương phủ kín những nhị vàng tươi nhỏ như sợi tơ tằm. Mùi thơm thoang-thoảng êm-dịu và thanh-tạo. Người xưa đã đặt cho hoa sen cái danh-hiệu là hoa « quân-tử » vì nó « gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn ». Những nhị hoa này hết rồi để lộ ra cái gương sen tròn xoe, bọc lấy những hạt nhỏ bằng hạt ngô.

Lúc hoàng-hôn, đứng trên bờ hồ, ngắm những bông hoa rung-dộng trước gió, tâm hồn ta thấy nhẹ-nhàng, tưởng chừng quên hết những nỗi vật-lộn nhọc-nhằn.

Hoa sen là thứ hoa đáng quý nhất trong việc cúng lễ. Mấy bông sen trắng cắm vào lọ sứ, màu trong trắng phản-chiếu lẫn nhau, gọi cho khách mộ-đạo một tấm lòng sám-hối. Trong

ba ngày tết Nguyên-đán, ông em thường tiếp khách bằng những chén nước chè sen thơm dịu với những viên mứt hạt sen ngọt bùi. Hạt sen còn dùng để nấu chè đường hay làm vị thuốc bắc.

Hoa sen và hạt sen quý như vậy, cho nên trong những cái hồ rộng người ta thường trồng sen để bán. Trước cửa đình chùa cái cảnh hồ sen làm tăng thêm phần mỹ-thuật cho cảnh tôn-ghiêm.



BÀI 36

Con chó của nhà em

DÀN BÀI

MỞ BÀI : Con chó của nhà em nuôi từ bao giờ ? Đặt tên là gì ? Tại sao ?

THÂN BÀI :

- a) Hình-dáng : Minh — Đầu — Mắt — Mồm, răng — Tai — Chân móng — Lông.
- b) Cử-động : Đi, đứng, nằm, đánh hơi. Tiếng kêu.
- c) Tính tốt : Có nghĩa, mẫn chủ.
Tính xấu : Cắn mèo, đuổi gà.
- d) Ích-lợi : Giữ nhà. Săn chuột.

KẾT-LUẬN : Con chó mẫn em thế nào ? Em quý nó và chăm-nom nó thế nào ?

BÀI LÀM

Con chó của nhà em nuôi được hai năm nay. Con chó ấy do bác em đem cho. Theo sắc lông nó, chúng em đặt tên nó là « Vàng ».

Con Vàng mình thon-thon dài. Đôi mắt đen lóng-lánh dưới đôi tai to và cúp xuống làm cho nó có vẻ mặt hiền-từ. Trong cái mồm dài chìa ra hai cái răng nanh sắc và nhọn như cái dao găm để cho nó canh gác rất đặc-lực. Chân cao, bước dài làm cho nó thêm đẹp thêm oai. Dưới bàn chân ăn những móng

nhọn và sắc làm cho nó bước đi nhanh-nhẹn và nhẹ-nhàng. Đuôi nó cuộn tròn trên lưng trông như một khoanh tơ vàng. Toàn thân phủ một bộ lông dày mượt, vàng óng-ánh.

Suốt ngày, nó đi lại, vòng ra cổng, vòng xuống bếp, chui vào xó buồng, không mấy chỗ nó không bước chân tới. Sau bữa cơm trưa, nó nằm ghêch mồm lên chân trước, con mắt lim-dim. Thế mà, có tiếng người sẽ động ngoài cổng, nó đã xò ra, cất tiếng sủa vang lên. Em gọi « Vàng, Vàng », nó đứng lại, đợi người nhà ra mở cổng, nó mới quay vào.

Đôi khi có người lạ vào nhà, ăn mặc rách-rưới, nó đi kèm một bên, đố ai lấy được cái gì của nhà em. Ông em đi chơi xa, có khi đến nửa năm mới về, mà con Vàng mừng rỡ nhận được ngay. Khi nào nó cáu-kỉnh, làm cho con mèo hết hồn, phải chạy bạt đi. Cha em chỉ tay vào mặt nó mà mắng : « Con Vàng hư nhè ! Chết đòn đấy ». Thế mà nó len lén nằm vào xó nhà.

Ban ngày nó hiền từ đáo-đề, mà ban đêm nó dữ-tợn lắm. Nghe tiếng nó sủa vang như tiếng sấm, kẻ trộm cũng phải chột dạ. Nó lại có tài săn chuột. Thỉnh-thoảng nó vật chết một con chuột cống kếch-xù.

Con Vàng mến em lắm. Em đi học về đến cổng là nó mừng tiu-tít, nhảy chồm hai chân trước lên, liếm vào tay em. Em ôm nó vào lòng mà vuốt-ve. Có khi em lấy xà-phòng tắm cho nó, nó lấy làm thích lắm.



BÀI 37

Con trâu

DÀN BÀI

MỞ BÀI : Con trâu của nhà em nuôi đã bao lâu ? Giá độ bao nhiêu ? (Hoặc em đã trông thấy con trâu ở đâu ?)

THÂN BÀI :

a) Hình dáng : Mình — Đầu — Sừng — Mắt — Tai — Mồm, răng — Bụng — Đuôi — Chân — Lông.

b) Cử-động : Dáng đi.

- c) Tinh-nết : Hiền-lành. Hay dằm mình xuống bùn.
- d) Ích lợi : Kéo cây bừa, kéo gỗ.
- e) Nó ăn gì ?

KẾT-LUẬN : Cha em quý nó vì sao ? Chăm-nom nó thế nào ?

BÀI LÀM

Cha em nuôi một con trâu đã ba năm nay. Con trâu ấy được nuôi thế vì nó khỏe lắm. Cha em cần-thận phải đi lại bốn năm bận mới tậu được con trâu vừa ý.

Con trâu thân hình to lớn. Đầu nó có đôi sừng đen và nhọn, cong và dài đến hơn một thước, làm cho nó có vẻ đáng ghê-sợ. Trái lại, đôi mắt lờ-dờ ẩn dưới cái mí xung húp trông rất hiền lành. Cái mồm dài, bồm bồm « nhai trâu », để lộ ra hàm răng trắng nhõn với những chiếc răng to bằng đầu ngón chân cái của em. Liền bên mồm, hai lỗ mũi to và dầy luôn luôn thở phì phì. Bốn chân to và khỏe cố sức đỡ lấy cái bụng phình ra, to bằng cái trống cái. Hai tai to bằng bàn tay người lớn suốt ngày phe-phẩy, phân công với cái đuôi dài lè-thè luôn luôn quất lên hai bên mình để đuổi ruồi muỗi. Bộ lông dài và lưa-thưa, toàn sắc đen, che phủ qua-loa lấy lớp da dầy quen dầu-dãi nắng mưa.

Thân hình nó nặng nề nên đi lại chậm-chạp. Trông nó có vẻ mệt-nhoc ưả nằm một chỗ hơn là đi lại loanh-quanh.

To lớn thật mà nó hiền-lành. Một em bé ngồi trên lưng nó, có khi còn đập mồm thưng vào mình nó, mà nó vẫn thản-nhiên cầm đầu gặm cỏ. Nó ưả bùn nước. Người lực-diễn thả nó ra cho nghỉ trưa, nó vội-vàng tìm đến vũng nước mà dằm mình.

Nó chịu khó và dai sức lắm. Suốt ngày nó kéo cây bừa, không biết nhọc-mệt là gì.

Nó ăn nhiều, nhưng chỉ cần một gánh rơm khô hay một gánh cỏ tươi là đủ no.

Cha em quý con trâu lắm, vì nó cáng-dáng công việc nặng-nề của nhà nông. Cha em bảo : nó giúp cha em làm việc để nuôi cả gia-dình.

BÀI 38

Con lợn

DÀN BÀI

MỞ BÀI : Trong chuồng lợn nhà em có một đôi lợn to, nuôi đã gần một năm nay,

THÂN BÀI :

- a) Hình-dáng: Minh — Đầu — Mắt — Tai — Mồm, răng — Bụng, Chân — Lông.
- b) Cử-động: Dáng đi, tiếng kêu.
- c) Tính-nết: Hay nằm. Ở bẩn.
- d) Ích-lợi: Thịt lợn là món ăn thường của mọi gia-đình. Nuôi lợn dễ và chóng bán được tiền.

KẾT-LUẬN : Ngoài bữa ăn ra, mẹ em đề ý suốt ngày đến đàn lợn. Mẹ em nói: « Nuôi lợn cũng như món tiền bỏ ống. »

BÀI LÀM

Trong chuồng lợn nhà em có một đôi lợn to, nuôi đã gần một năm nay.

Con lợn mình to và nặng-nề. Cái đầu to và thô-bỉ kèm cái mồm nhỏ, ngắn-ngùn làm cho hình-dáng nó càng xấu-xí thêm. Đôi mắt nhỏ và lơ-dờ ẩn dưới đôi mi híp lại. Cái mồm lóm-lém suốt ngày để lộ bộ răng nhỏ và trắng. Bốn chân ngắn-ngùn bị che bởi cái bụng xệ quét lê đến đất, suốt ngày lấm-láp bẩn-thỉu. Cái đuôi có túm lông dày và dài luôn luôn ngoe-nguẩy. Bộ lông lưa-thưa và đen suốt ngày nhọ-nhem, ướt-át.

Cái bụng xệ, cái chân ngắn-ngùn nên nó đi lại có vẻ chậm-chạp lắm. Cũng vì thế, nên bị nhốt suốt ngày trong chuồng nó cũng chịu được. Đến bữa ăn nó mới húc đầu vào cửa chuồng và kêu « in ịt » để đòi ăn. Mẹ em vừa đồ ít cám chín vào chậu nước, nó đã vội-vàng đứng cả hai chân vào chậu, xục cả mồm xuống, nhai « tòm tộp ». Người ta bảo « tham ăn như lợn » là phải. Ăn no rồi nó nằm phưỡn cái bụng ra tỏ ý-ách. Nó nằm cả lên đồng rác bẩn, thật là « bẩn như lợn ».

Bởi nó « hay ăn chóng lớn », nên ở đồng quê nhà ai cũng

nuôi lợn, ít nhất là vài ba con. Thịt là món ăn rất thường dùng của mọi người. Giò lụa, chả quế giã bằng thịt lợn là món ăn rất quý, cả người ngoại-quốc cũng khen là ngon.

Suốt ngày, ngoài bữa cơm ra, mẹ em chỉ nghĩ đến đàn lợn, mua rau, mua cám, nấu cho nó ăn. Mẹ em bảo: « Nuôi lợn như tiền bỏ vào ống để dành ». Mà thế thật, cứ cuối năm âm-lịch, mẹ em lại bán một lứa lợn, lấy tiền may cho lũ con, mỗi đứa một bộ quần áo mới để ăn tết Nguyên-dán.



BÀI 39

Con gà trống

DÀN BÀI

MỞ BÀI : Em trông thấy con gà trống ở đâu ?

THÂN BÀI :

- a) Hình-dáng: Minh — Đầu — Mào — Cổ — Mắt — Tai — Chân, cựa — Lông, cánh, đuôi.
- b) Cử-động: Dáng đi, Tiếng kêu.
- c) Tính-nết: Hay đá nhau với gà trống lạ.
- d) Ích-lợi: Gà báo thức. Nuôi gà làm cảnh. Thịt gà ăn ngon.

KẾT-LUẬN : Trông nó đẹp nên nuôi nó làm cảnh chơi mà không ăn thịt.

BÀI LÀM

Trong đàn gia-cầm con gà trống được coi là chúa-tể. Quả thế thật, con gà trống của nhà em nuôi đã hai năm nay, mà cang già càng đẹp, không nỡ giết thịt nó.

Minh nó không to bằng con ngỗng, nhưng trông nó đẹp hơn và oai-vệ hơn. Cái đầu to với cái mào cao đỏ chói trông hùng-dũng như một ông tướng võ. Cổ dài phủ một túm lông mượt đỏ, óng-ánh như vàng. Tai nó nhỏ xiu như sẵn-sang báo tin cho đôi mắt tròn xoe, chớp lay-láy. Chân to, cứng chắc và cao lồng-ngồng kèm cái cựa sắc để cho nó « đấu võ » và khoe tài. Khắp mình phủ một bộ lông mịn-màng vàng sẫm. Đôi

cánh to, lông dài và xanh biếc, hình như cốt đề khoe cái mã đẹp, chứ ít khi bay cao. Bộ lông đuôi vàng sẫm óng-ánh, dài lê-thê gần quét đất làm tăng thêm vẻ đẹp.

Dáng đi ung-dung thư-thả làm cho nó thêm oai-vệ. Nó nghênh cao đầu, phồng to cổ, cất tiếng gáy «cúc-cu-cu» một hồi dài như tiếng chuông ngân-ngã. Nghe tiếng gáy khoe-khoang và khiêu-chiến của nó, một con gà trống lạ chạy xô đến dò tòi. Có khi chúng «đấu võ» đến nửa giờ đồng-đò. Tiếng vậy, đối với gà mái hay gà nhỏ, nó có lượng lắm, không thèm bắt nạt kẻ yếu.

Ở nhà quê, nhà nào cũng nuôi vài con gà trống để làm cảnh chơi. Nó có thể thay cái đồng-hồ để báo thức cho mọi gia-đình. Vào khoảng bốn giờ sáng nó đã gáy vang vang, đánh thức người nhà nông dậy sớm ra đồng ruộng. Nếu muốn cho nó chóng béo thì thiếu đi. Thịt gà thiếu ăn thơm và ngon lắm.

Con gà trống to nhất đàn mà nó không khéo kiếm ăn như gà mái. Tôi thương hại, thường ném cho nó một nắm cơm nguội để ngấm bộ lông đẹp-đẽ của nó.



BÀI 40

Con chim yềng

DÀN BÀI

MỞ BÀI : Nhà em nuôi một con chim yềng từ bao giờ? Nuôi trong chuồng đẹp thế nào?

THÂN BÀI :

a) Hình dáng : Minh — Đầu — Cổ — Mắt — Tai — Mỏ — Chân, móng — Lông.

b) Cử-động : Hay nhảy-nhót. Tiếng kêu, học nói.

c) Người ta cho nó ăn uống gì?

d) Nuôi yềng để làm cảnh chơi.

KẾT-LUẬN : Cha em quý nó thế nào? Em quý nó thế nào?

BÀI LÀM

Hàng xóm nhà em có một cụ Đồ già. Cụ nuôi một con yềng đã nửa năm nay. Con yềng được nuôi trong một cái lồng bằng nan tre sơn xanh.

Con yềng mình dài thon-thon to bằng quả dưa chuột. Đầu nó tròn và nhỏ. Trên đỉnh đầu nhú lên một cái mào đỏ nhỏ bằng đầu cái chân hương. Mỏ dài và hơi cong, màu trắng ngà ngà. Đôi mắt đen lấp-lánh. Cổ nó ngắn, phủ một chòm lông dài và đen như sừng, điếm một khoanh vàng nhạt giống như quần cái khăn quàng. Chân nó nhỏ, da chân vàng sẫm, móng chân dài và sắc quặp chặt lấy thanh que gài trong lồng. Toàn thân được phủ một bộ lông mịn-màng đen như mực Tàu. Đôi cánh cứng với những chiếc lông dài gần như vô-dụng, luôn luôn khép vào bên mình.

Bị nhốt trong lồng mà nó luôn luôn nhảy-nhót từ cái que gài ngang trong lồng lên các nan đan chung quanh. Vừa nhảy vừa kêu «kẹt-kẹt» như muốn van xin được thả tự-do. Nó có biết đâu chỉ vì cái tài học nói mà nó bị nhốt.

Cụ Đồ chăm-nom nó. Trong lồng sẵn-sàng hai cái ống sứ, một ống đựng nước, một ống đựng hạt đậu. Có khi cụ còn cho nó ăn chuối chín, nó nuốt ngoang-ngoảng, có vẻ sượng lắm. Cụ vừa cho nó ăn vừa dạy nó nói. Nó đã bập-bẹ nhắc lại « có khách? Chào ông».

Thấy vậy, đôi khi em sang xem và thưởng cho con yềng một quả chuối chín nhũn. Nó cũng «chào ông» hân-hoai. Có lúc thằng em bé của em trêu nó, con yềng vừa nhảy-nhót, sặc sệt vừa kêu « có khách ». Bọn trẻ cười ồ lên.

Cụ Đồ quý con yềng như một đứa cháu nhỏ. Cụ ngắm và nghe nó học nói, cụ có vẻ khoái-trả lắm. Cụ cấm trẻ nhỏ không được trêu-gheo con yềng khôn-ngoan ấy. Cụ mua nó với giá năm trăm đồng. Mà người bán còn nói : « Bán rẻ cho Cụ, vừa bán vừa biếu Cụ một nửa tiền » kia đấy.



BÀI 41

Con bướm

DÀN BÀI

MỞ BÀI : Em thấy con bướm ở đâu ? Nó đang làm gì ?

THÂN BÀI :

- a) Hình-dáng : Minh — Đầu — Mắt — Cánh (sắc đẹp) — Bụng — chân.
- b) Cử-động : Bay lượn — Mút hoa.
- c) Con bướm có ích gì ? làm hại gì ?

KẾT-LUẬN : Em thấy trẻ con hay bắt bướm nghịch thì em nghĩ sao ?

BÀI LÀM

Sáng sớm dậy, học bài vừa xong. Em bước ra vườn, chợt trông thấy một con bướm to đang chấp-chờn trên ngọn cây hoa cúc. Em đứng nhìn mấy phút cũng thấy sững mắt.

Con bướm đẹp thật. Minh nó thon thon dài bằng đốt ngón tay út của em. Cái đầu nhẵn to bằng cái cúc đồng, đôi mắt đen láy trở ra che gần kín đầu. Đôi râu mỏng-mảnh, dài lè-thè, nhỏ như sợi tóc. Dưới ngực nhô ra ba đôi chân nhỏ tập như sợi tơ. Cái bụng tròn như cái nắp bút chì nguyên tử. Khắp mình phủ một lớp phấn mỏng dính vàng như nghệ. Đẹp nhất là đôi cánh nó xòe ra như đuôi con cá vàng, màu vàng nhạt như vỏ cam chín, điểm những chấm xanh biếc.

Nó đương đùa-giỡn trên bông hoa cúc. Cánh bướm chấp-chờn, cánh hoa rung-động. Cánh hoa vàng tươi, cánh bướm vàng sẫm, màu-sắc của chúng hòa-hợp nhau vừa đẹp-đẽ vừa duyên-dáng.

Mấy cái chân nhỏ li-ti đậu xuống cánh hoa, hai cánh bướm nhẹ-nhàng cất lên, hạ xuống.

Phải chăng con bướm hay mút mật hoa làm cho hoa không kết thành quả mà bọn trẻ ghét nó. Chúng bắt được bướm là xé tan ra. Nhưng cũng có thứ cây phải nhờ bướm đem phấn từ hoa nọ sang hoa kia mới kết thành quả.

Riêng phần em, em chỉ ưa cái vẻ đẹp thiên-nhiên của con bướm, chứ khôngỡ bắt nó mà nghịch. Em nghĩ nó cũng chả làm hại bao nhiêu.

BÀI 42

Bà em

DÀN BÀI

MỞ BÀI : Bà nội hay bà ngoại em năm nay độ bao nhiêu tuổi ?

THÂN BÀI :

- a) Hình-dáng : Tâm-vóc — Đầu — Tóc — Mặt — Trán — Mắt — Má — Mồm, răng — Lưng — Tay, chân.
- b) Ăn mặc : Khi ở nhà, khi đi chơi.
- c) Cử-chỉ : Đi đứng — Tiếng nói.
- d) Tính-nết : Đối với cháu. Đối với người ngoài.
- e) Thói quen : Hay kể chuyện cổ-tích — Hay đọc kinh, hay đi lễ chùa. Chăm-chút các cháu.

KẾT-LUẬN : Em đối với bà em thế nào ?

BÀI LÀM

Bà nội em năm nay đã gần bảy chục tuổi. Tuy già nhưng người vẫn đỏ-dắn, vì ít khi Cụ ốm đau. Nhiều bà khách đến chơi thường nói với mẹ em : « Già mà khỏe-mạnh như Cụ thật là sung-sướng. »

Bà em tâm-vóc thâm-thấp, nước da trắng và hồng-hào làm cho cụ như trẻ ra được năm mươi tuổi. Mái tóc cụ dài và bạc như tơ cuốn tròn trong cái khăn nhưng đã phai màu. Gương mặt tròn với đôi mắt tinh-táo, hiền-lành. Vầng trán cao, nhiều nếp nhăn-nheo như ghi lại những nỗi lo-âu khó-nhọc. Mồm cụ bồm-bểm nhai trầu để lộ hai hàm răng đen đã rụng gần hết. Cằm dưới nhỏ dài ra. Má hóp sâu xuống làm cho hai gò má nhỏ cao lên. Tay chân cụ tuy nhăn-nheo mà vẫn còn nhanh-nhẹn. Lưng cụ vẫn còn ngay-ngắn, nên cụ không phải dùng gậy như nhiều cụ già khác.

Bà em thường mặc chiếc quần lụa đen và chiếc áo cộc trắng. Khi đi lễ chùa cụ mặc thêm chiếc áo dài lụa màu nâu sẫm.

Cụ đi đứng ung-dung, bước đi nhẹ-nhàng, đến tiếng guốc cũng không ai nghe thấy. Cụ gọi các cháu tiếng rang-rang.

Bà em chiều chuộng chúng em có khi còn hơn mẹ em. Có

ai biểu quà bánh gì cụ chia hết cho lũ cháu. Đối với xóm riềng cụ thật hiền-lành, không to tiếng với ai bao giờ.

Cụ chăm-chút các cháu lắm. Lúc thì vá quần áo, lúc thì rửa chân tay cho cháu. Cụ biết lắm chuyện cổ-tích, kể quanh năm không hết. Cụ chả đi chơi đâu xa. Mỗi tháng một bận đi lễ chùa. Tối nào cụ cũng đọc kinh, đọc thuộc lòng và thông-thả nghe hay lắm.

Đi học về đến cửa em chấp tay vái chào bà em. Bà em sai bảo cái gì là em làm ngay. Hầu cụ được việc gì em lấy làm vui bụng lắm.

*

BÀI 43

Cha em

DÀN BÀI

MỞ BÀI : Cha em năm nay độ bao nhiêu tuổi ?

THÂN BÀI :

- a) Hình-dáng : Tâm-vóc — Đầu tóc — Mặt — Mắt — Trán — Cằm — Mồm — Chân, tay — Da-dẻ.
- b) Ăn-mặc : Lúc ở nhà, lúc ra ngoài.
- c) Cử-chỉ, ngôn-ngữ.
- d) Tinh-nết : Đối với cha mẹ, đối với con cái, đối với bạn-bè.
- e) Thói quen : Hay đọc sách, chăm-chỉ công việc.

KẾT-LUẬN : Thấy cha em làm ăn vất-vả em nghĩ thế nào ? Khi cha em đánh mắng em có giận không ?

BÀI LÀM

Cha em năm nay bốn mươi sáu tuổi. Có lẽ vì phải lo-nghĩ nhiều trong mấy năm chiến-tranh nên người như già sớm đi trước tuổi.

Cha em tâm-vóc thâm-thấp. Mái tóc đen chải lật ra sau gáy, có lúc không cần chải thuốc mà tóc vẫn giữ yên nếp. Gương mặt bầu với hai má bầu-bầu tỏ vẻ hiền-từ. Đôi mắt đen long-lánh có vẻ thông-minh. Cái cằm rộng làm cho nét

mặt thêm vẻ phúc-hậu. Mồm rộng luôn luôn tươi cười để lộ hàm răng trắng toát, nhỏ-nhắn và đều-dặn. Tay chân dãn-chắc, lồng ngực nở-nang, da đen ngám-ngám tỏ ra người khỏe-mạnh.

Cha em ăn mặc giản-dị lắm. Thường ngày đi làm việc, người chỉ mặc cái áo sơ-mi trắng, cái quần ca-ki vàng, đi đôi giày « ba-ta » màu nâu.

Dáng đi ung-dung chậm-chạp. Tiếng nói vang-vang, nhưng cha em ít nói.

Cha em kính trọng ông bà em lắm. Có điều gì ông em không bằng lòng, ông em chỉ nói sẽ mà cha em lấy làm sợ lắm. Cha em cũng hiền-lành như ông em, không to tiếng với ai bao giờ. Thế mà đối với bạn-bè thì cha em ân-cần và vui-vẻ lắm.

Hằng ngày, ngoài hai buổi đến trường dạy tư, ở nhà cha em cũng bận suốt ngày : đọc sách, đọc báo, chăm bài, soạn bài. Đôi khi cha em coi đến sách vở của chúng em và giảng thêm cho một vài câu. Đưa em nhỏ em nó vui-vĩnh quá mà cha em cũng không gắt-gỏng gì.

Cha em làm ăn vất-vả suốt ngày mới đủ nuôi gia-đình. Em nghĩ thầm : Ta phải cố gắng học-hành đề đền ơn cha mẹ lúc tuổi già. Có phạm lỗi gì cha em đánh mắng em cũng không dám hờn-giận.

★

BÀI 44

Ông Hiệu-trưởng trường em

DÀN BÀI

MỞ BÀI : Ông Hiệu-trưởng trường em năm nay độ bao nhiêu tuổi ?

THÂN BÀI :

- a) Hình-dáng : Tâm-vóc — Đầu tóc — Mặt — Mắt — Trán — Mồm — Tay chân — Da-dẻ.
- b) Ăn mặc.
- c) Cử-chỉ, ngôn-ngữ.

- d) Tính-nết : Đối với học-sinh, đối với phụ-huynh học-sinh. Đối với bạn-bè.
- e) Thói quen : Chăm-chỉ công việc. Vui-vẻ, dễ-dãi, công-bằng.

KẾT-LUẬN : Em đối với ông Hiệu-trưởng thế nào ? Mỗi khi thấy ông vào lớp em phải thế nào ?

BÀI LÀM

Ông Hiệu-trưởng trường em năm nay độ ngoài năm chục tuổi. Hằng ngày ông làm việc ở bàn giấy suốt cả buổi chiều.

Người ông tầm-thước vừa phải, không cao quá, cũng không thấp quá. Đầu tóc mượt chải lật ra phía sau. Gương mặt trái soan, vàng trán cao, tỏ vẻ cương-quyết và nghiêm-trang. Đôi mắt đen long-lánh ẩn dưới mi thưa-thớt thanh-tú lộ hẳn vẻ thông-minh. Hai tai to và trắng làm cho nét mặt thêm phần phúc-hậu. Cằm rộng, môi đỏ, miệng cười để lộ hàm răng trắng như bạc. Bắp thịt tay chân dãn-chắc. Da-dẻ trắng-trẻo, hồng-hào.

Ông ăn-mặc giản-dị mà đứng-dẫn. Thường ngày ông mặc bộ Âu-phục màu trắng hay màu xám. Cởi đeo chiếc cà-vạt màu xanh nước biển. Chân đi đôi giày màu nâu sẫm bóng-loáng.

Bước đi ung-dung, đôi mắt nhìn thẳng, tỏ vẻ nghiêm-nghị và bình-tĩnh. Nét mặt hòa-nhã, giọng nói ôn-tồn, không bao giờ ông gắt-gỏng với học-trò.

Ông thương yêu chúng em và luôn luôn săn-sóc đến hạnh-kiếm của chúng em. Thấy ông vào lớp là học-trò ngồi im phăng-phắc. Ông rất niềm-nở trong những dịp tiếp-xúc với cha mẹ chúng em. Các thầy-giáo ai cũng khen ông là người biết điều và khéo cư-xử.

Em yêu-mến và kính-trọng ông cũng như đối với thầy-giáo em. Mỗi khi thấy ông vào lớp là chúng em lảng-lặng để đón tin mừng. Ông báo tin phát thưởng, tin đi du-ngoại... Đôi khi ông đến lớp để khuyến-khích và khen-thưởng chúng em.



BÀI 45

Cô giáo em

DÀN BÀI

MỞ BÀI : Cô giáo em năm nay độ bao nhiêu tuổi ?

THÂN BÀI :

- a) Hình-dáng : Tầm-vóc — Đầu tóc — Mặt — Mắt — Mồm — Trán — Da-dẻ.
- b) Ăn-mặc.
- c) Cử-chỉ, ngôn-ngữ.
- d) Tính-nết : Đối với học-trò. Đối với phụ-huynh học-trò. Đối với chị em bạn.
- e) Thói quen : Chăm-chỉ công-việc. Vui-vẻ mà nghiêm-nghị.

KẾT-LUẬN : Em đối với cô giáo em thế nào ?

BÀI LÀM

Cô giáo em năm nay đã ngoài năm chục tuổi. Cô ở trong nghề dạy học ngọt ba chục năm rồi. Gọi là cô để có vẻ thân-ái, chứ thực ra cô em cũng gần bằng tuổi bà nội em.

Cô giáo người tầm-thấp. Mái tóc « hoa râm » nhiều cái bạc như tơ và dài cuộn tròn trong cái vành khăn nhung đen nháy. Vàng trán rộng điểm mấy nếp da nhăn-nheo tỏ ra đã trải nhiều nỗi lo-âu. Gương mặt tròn-trĩnh, hai má bầu-bầu rõ ra người phúc-hậu. Đôi lông mi dài và thưa che lấy đôi mắt sáng quắc. Miệng cười tươi như hoa nở, để lộ hàm răng đen đã rụng mấy cái. Bắp thịt tay chân nõn-nhắn. Da xanh nhợt và nhăn-nheo tỏ ra đã chịu đựng nhiều sự khó-nhọc trong nghề « dạy học ».

Cô em ăn-mặc rất giản-dị. Một chiếc áo lụa màu trắng hay màu xanh hoa-lý phủ lấy cái áo cộc trắng và cái quần lụa đen.

Dáng đi ung-dung thong-thả ầu nhịp với vọng nói khoan-thai dịu-dàng.

Cô âu-yếm chúng em như mẹ đối với con. Đôi khi có trò nào bị cảm bất-ngờ, cô xuống đến tận chỗ ngồi, cô xoa tay vào trán rồi se-se hỏi : « Con bị sốt hử ? Cô cho phép con nghỉ.

Cô cho con tiền thuê xe về nhà và cho bạn đi kèm con nhé!» Nghe tiếng nói cô đầy giọng triu-mến ân-cần. Thịnh-thoảng có dịp mẹ em gặp cô mà hỏi chuyện, thấy cô niềm-nở, vui-vẻ và tử-tế lắm.

Cô làm việc chăm-chỉ và rất đúng giờ. Không bao giờ cô đến lớp chậm năm ba phút. Cô hiền-hậu mà học-trò ai cũng kính sợ và mến cô lắm. Cô không gắt-gỏng, quát tháo bao giờ. Ai phạm lỗi gì, cô chỉ khuyên bảo nhẹ-nhàng. Cô dạy học có biệt-tài. Được cô giáo-hóa ít lâu là học-trò nào cũng phải chăm-chỉ, nết-na.

Em trọng cô như là bà nội em vì cô em đã già. Em yêu cô như mẹ em vì cô dạy dỗ-em chẳng khác gì mẹ em. Cô xứng-đáng là bà mẹ hiền của năm sáu chục đứa con thơ-ấu.



BÀI 46

Bạn thân của em

DÀN BÀI

MỞ BÀI : Em có một bạn thân nhất tên là gì ? Bạn đó cùng học với em đã mấy năm ?

THÂN BÀI :

- a) Hình-dáng : Tóc-vóc — Đầu tóc — Mặt — Trán — Tai — Mắt — Mồm — Cằm — Tay chân — Da-dẻ.
- b) Ăn-mặc : Lúc đến trường.
- c) Cử-chỉ, ngôn-ngữ.
- d) Hạnh-kiêm : Nết tốt : Đối với thầy, đối với bạn. Tính xấu : Hay câu-kính, khoe-khoang.
- e) Thói quen : Sạch-sẽ. Làm dáng.

KẾT-LUẬN : Bạn đối với em thế nào ? Em đối với bạn thế nào ? Nói rõ sự thân-mật.

BÀI LÀM

Anh Khiêm là bạn cùng lớp và thân nhất của em. Anh cùng học với em từ lớp Năm. Ở lớp nào anh cũng ngồi bên cạnh em. Năm nay, anh lên chín tuổi, hơn em một.

Người anh phồng, cao hơn em hẳn từ vai trở lên. Đầu tóc đen và mềm, chải mượt và rẽ ngôi về bên trái. Gương mặt trái soan. Trán cao diềm đôi mi dài và thanh-tú. Đôi mắt đen láy sáng quắc, tỏ vẻ thông-minh. Cằm rộng, môi đầy và đỏ. Miệng rộng luôn luôn tươi cười để lộ hàm răng trắng như sứ. Tay chân dãn-chắc, bắp thịt nở-nang. Nước da trắng hồng như trứng gà hóc.

Anh ăn mặc cũng hơi đóm-dáng. Cái quần áo xoóc màu xanh lơ, cái áo sơ-mi trắng luôn luôn là thẳng nếp. Đầu đội chiếc mũ màu lam. Chân đi đôi dép màu nâu sẫm.

Anh đi đứng chậm-chạp. Anh làm gì cũng chậm, nhưng mà chậm-chắc. Anh ít nói lắm. Thấy anh li-xi, ít nỏ-đùa, nhiều bạn hay trêu ghẹo anh.

Anh chăm học và nết-na. Tháng nào anh cũng được ghi tên trên bảng danh-dự, không thứ nhứt cũng thứ nhì. Đối với thầy, anh ăn ở rất lễ-phép. Đối với bạn, anh sẵn lòng giúp-đỡ và rất thật-thà. Nhưng phải cái tính « người hiền hay cục ». Bạn trêu quá, anh đỏ mặt lên và gắt : « Nghịch vừa chứ, kéo vui quá hóa buồn ! »

Anh ít mồm-miệng, nên có bạn tưởng lầm là kiêu-ngạo. Trẻ con mà ăn mặc quá cẩn-thận, nhiều bạn cho anh là lam-đóm.

Em hiểu rõ tính-nết anh nên em qui anh lắm. Những ngày nghỉ chúng em đến nhà chơi với nhau. Đôi khi em cũng đùa qua làm anh phải cáu. Nhưng rồi anh lại làm quen ngay, có lẽ anh coi em như em ruột của anh.



BÀI 47

Một anh thương-bình

DÀN BÀI

MỞ BÀI : Em gặp anh thương-bình ở đâu ?

THÂN BÀI :

- a) Hình-dáng : Tóc-vóc — Đầu tóc — Trán — Tai — Mặt — Mắt — Cằm — Miệng — Chân tay — Da-dẻ.

b) Sự ăn-mặc.

c) Cử-chỉ, ngôn-ngữ.

d) Em nói chuyện với anh thương-bình. Trường-hợp anh bị nạn. Hiện-thời anh đang học về môn gì ?

KẾT-LUẬN : Em yêu kính anh thương-bình. Em có cảm-tưởng gì về anh thương-bình ?

BÀI LÀM

Sáng qua, nhân lúc đi chơi Sở-thú em gặp một anh thương-bình. Anh trạc chừng ba chục tuổi,

Anh tâm-vóc cao và to lớn. Đầu tóc đen láy, rẽ về phía bên trái. Khuôn mặt vuông chữ điền. Vầng trán cao tỏ vẻ cương-quyết. Đôi mi dài và rậm che lấy đôi mắt đen long-lánh. Má bầu-bầu, cằm hơi vuông, tỏ vẻ phúc-hậu. Môi đỏ hồng, miệng cười vui-vẻ, để lộ hàm răng trắng như sứ. Ngực nở-nang, bắp thịt tay chân mập-mạp, rõ ra một người võ-lương. Da ngăm-ngăm đen hộc lầy tím thân vạm-vỡ.

Anh ăn mặc chững-chạc lắm. Minh mặc cái áo sơ-mi bằng ni-lông màu xám, cựa tay gài cái cúc bằng vàng tây. Cái quần bằng vải « đặc rồng » màu xanh nước biển là thẳng nếp. Cổ tay đeo cái đồng-hồ vỏ-vàng. Chân đi một chiếc giày đen đánh bóng-loáng. Hai sườn cặp hai cái nặng gỗ làm giảm cái vẻ đẹp của người thanh-niên tuấn-tú,

Anh nói-năng hùng-dũng. Nụ cười vui-vẻ làm cho người nghe chuyện anh càng thêm mến-phục. Nhìn anh bước đi lam thì em phải thương thầm. Chân bước lên, đầu và vai phải cúi xuống có vẻ khó-nhọc lắm.

Chúng em tìm một cái ghế, ngồi dưới bóng mát để nói chuyện. Anh thông-thả kể cho em nghe những chuyện chiến-dấu ngoài mặt trận. Trong một trận di dẹp phiến-loạn anh bị thương. Anh bị cưa mất chân trái và phải nằm bệnh-viện mất nửa năm. Hiện giờ anh được ăn lương và nghỉ ở một an-duỡng-đường Sài-gòn. Anh nói : anh bị thiệt-thời về vật-chất thì anh phải tìm thú vui tinh-thần để dền-bù lại. Hiện giờ anh đang học ở Văn-Khoa đại-học.

Trời đã xế chiều. Chúng tôi ra về, mỗi người đi một ngã đường. Em nghĩ thầm : Anh ấy xứng-dáng là con cháu của Lê-Lợi, của Quang-Trung. Với tâm lòng cương-quyết ấy biết đâu anh chẳng thành một nhà học-giả của nước Việt-Nam.



BÀI 43

Giờ tập thể - dục

DÀN BÀI

MỞ BÀI : Lớp em tập thể-dục vào ngày nào ? Giờ nào ?

THÂN BÀI :

a) Nghe tiếng còi báo hiệu các học-sinh sắp hàng.

b) Các cử-động : đi, chạy, nhảy.

Các trò vui : vọt đi, mèo chuột.

Các tiếng động, tiếng kêu.

c) Tan hàng.

d) Sau giờ thể-dục em thấy thế nào ? (Nhọc—Đói—Trong người thấy khoan-khoái).

KẾT-LUẬN : Em thích tập thể-dục cho bắp thịt nở-nang.

BÀI LÀM

Chiều thứ năm mỗi tuần, lớp em có giờ tập thể-dục, từ năm giờ rưỡi tới sáu giờ.

Thầy-giáo và học-trò đều sẵn-sàng. Thầy-giáo mặc áo sơ-mi cụt tay, quần xoóc, đi giày vải màu trắng. Chúng em mặc đồng-phục : quần đùi đen và áo lót trắng. Một hồi còi vừa dứt. Chúng em chạy ra sân sắp hàng ba, bé đứng trước, lớn đứng sau. Thầy-giáo đứng đối diện với chúng em để điều-khiển. Mọi người, vẻ mặt vui tươi, chăm-chú nghe hiệu-lệnh của thầy-giáo. Rồi cứ theo hiệu còi mà tập, đều nhau phản-phất. Lúc đi, lúc chạy, lúc nhảy, lúc ném, lúc dục dầy. Mỗi cử-động kèm thêm một trò vui. Chúng em vừa tập vừa cười. Thầy-giáo đứng trước kiểm-soát. Thầy nhanh-nhẹn đi sửa chữa cho một vài anh làm sai hãy còn lúng-túng. Kể tiếp với các cử-động ấy các trò chơi phổ-diễn một cách hứng-thú.

Những cánh máy bay lượn với tiếng máy nổ xinh-xịch. Những đàn vịt chân di khang nang, kêu « cạc, cạc ». Những con mèo đuổi chuột chạy vùn-vụt. Tiếng cười, tiếng nói, tiếng gót chân nện xuống đất xinh-xịch. Ngoài hàng rào, những con mắt tò mò, những tiếng cười âm-ỹ như cò-võ thêm cho các vai trò. Tiếp theo là những bước đi đều-dặn, ăn nhịp với những tiếng còi, chúng em vội-vàng xếp hàng ba đi theo. Một hồi còi ngân nga kéo dài, các bàn tay giờ ngang ngực rồi hạ xuống thật nhanh, đều phăn-phất. Hàng ngũ tan ra. Chúng em vừa cười, vừa chạy, vừa reo, vừa thở. Chúng em thấy nhọc mệt và đôi bụng nhưng vẻ mặt vẫn hớn-hở.

Về tới nhà, ăn thấy ngon thêm, ngủ được đầy giấc, mạch máu chạy mau, người thấy khoan-khoái dễ chịu. Nếu cứ tập thể-dục đều đặn và ở chỗ thoáng hơi thì bắp thịt được nở nang và người phải khỏe-mạnh hơn.



BÀI 49 Lễ chào cờ ở trường em

DÀN BÀI

MỞ BÀI : Trống báo hiệu vào học buổi sáng sớm.

THÂN BÀI :

- a) Học-trò đứng xếp hàng trước cửa lớp. Học-trò gái lớp nhất đứng chung quanh cột cờ.
- b) Tất cả mọi người sẵn-sàng. Thầy giáo hô to : « Chào cờ » Mọi người đứng nghiêm. Đồng ca bài Quốc-ca.
- c) Dứt bài Quốc-ca. Học-trò vào lớp.

KẾT-LUẬN : Nhìn lên lá Quốc-kỳ em có ý nghĩ gì ? (Cố gắng học-tập để trở nên người thanh-niên có ích cho nhà, cho nước).

BÀI LÀM

Lúc ấy là sáu giờ rưỡi sáng. Một hồi trống ngân-ngà kéo dài.

Tất cả học-trò vội-vã đứng sắp hàng đôi ở hiên trường, lớp nào trước cửa lớp ấy. Các nữ học-sinh lớp nhất đứng chung quanh cột cờ. Lá cờ bay phất-phới trước gió. Hai chị nữ-sinh lớn đứng cạnh cột cờ, mỗi chị cầm một đầu dây. Tất cả đều sẵn-sàng. Thầy giáo hô « Chuẩn-bị chào cờ ». Mọi người đứng nghiêm, hai tay chắp thẳng vào đùi, ngẩng mặt nhìn lá Quốc-kỳ. Nhìn lên lá Quốc-kỳ, tâm-hồn chúng em như phảng-phất nghĩ đến các vị anh-hùng liệt-nữ đã hiến thân cho Tổ-quốc. Nhìn lên lá Quốc-kỳ như soi vào tấm gương anh-dũng của các Ngài. Màu vàng đỏ trên lá cờ như thắm khuyển chúng em phải quyết-chí học-hành, sao cho xứng đáng là con cháu của Trần Hưng-dạo, của Quang-trung. Tiếng hô. « Chào cờ ! Chào » vừa dứt. Bài Quốc-ca cử vang lên nhịp-nhàng và hùng-dũng.

Chúng em xoay mình đi theo hàng đôi vào lớp học, dưới con mắt kiểm-soát của mỗi thầy giáo lớp mình.

Vào lớp học trong óc chúng em như còn nhớ đến những điều tâm-niệm trong lúc chào cờ. Chúng em cố học để trở nên người thanh-niên có ích cho nhà, cho nước.



BÀI 50 Mẹ em may áo cho em bé

DÀN BÀI

MỞ BÀI : Nhân dịp nào mẹ em may áo cho em bé ?

THÂN BÀI :

- a) Rập theo mẫu áo cũ. Đo, cắt.
- b) May áo : Cử-động của mẹ em.
- c) Em bé mặc thử áo (Tả sự vui sướng của nó).

KẾT-LUẬN : Thấy nét mặt hớn-hở của con bé, mẹ em quên hết những nỗi khó-nhọc, thức khuya dậy sớm.

BÀI LÀM

Hôm ấy là sáng chủ-nhật, cuối tháng chạp âm-lịch. Mẹ em

rở mảnh lụa màu xanh lá cây ra để may chiếc áo dài cho em gái út của em, mới lên năm tuổi. Vì đã nhiều lần nó đòi may áo mới để mặc tết Nguyên-đán.

Mẹ em lấy cái áo cũ của nó ra đặt mảnh lụa. Người lấy miếng phấn trắng vạch lên mảnh lụa. Muốn cho cái áo được dài rộng hơn, người vạch mỗi chiều dài thêm một vài phân. Lưỡi kéo đi lia nhẹ-nhẹ, tiếng kéo sẽ kêu « xẹt xẹt », những mảnh vải rời ra. Đến chỗ cổ áo khó cắt, người phải loay-hoay, giờ kéo lên, đặt kéo xuống, xoay đi xoay lại mảnh lụa. Đến gần hai giờ mới cắt xong cái áo.

Mẹ em ngồi trên ghế dựa, trước cái máy khâu. Người móc sợi chỉ vào đầu kim máy. Người sẽ đâm chân lên bàn đạp, tiếng máy chạy « xè xè », mũi kim nhô lên hạ xuống. Người sẽ nhích mảnh lụa theo đường chỉ, hai mắt nhìn chòng-chọc mũi kim. Cứ như vậy, mẹ em rở vải ra máy, mỗi ngày độ một hai giờ là nhiều. Vì vừa may áo người vừa phải nấu cơm, vừa quét dọn nhà cửa. Có lẽ đến bốn năm hôm cái áo mới của em bé mới được hoàn-thành. Mẹ em cho nó mặc thử. Mẹ em khen đẹp. Nó đứng trước cái gương để ngắm-nghĩa. Nó cúi thấp xuống nhìn gấu áo xem có dài không. Rồi nó nhìn ra sau lưng, nhìn bên phải, nhìn bên trái. Mắt nó sáng hẳn lên, nói cười liu-tiu. Thật đúng như câu « già được bát canh, trẻ được manh áo mới ». Mẹ em sẽ nói với nó : « Con bé này hôm nay nhớn lên một tý. Nhất con đấy. Chả đứa nào có cái áo đẹp như áo con ».

Thấy nét mặt hơn-hở của em bé, mẹ em quên hết những nỗi bận-rộn, thức khuya dậy sớm. Em cũng chú-ý đến việc khâu và để giúp việc cho mẹ em.



BÀI 51 Em pha chè để tiếp khách

DÀN BÀI

MỞ BÀI : Nhân dịp nào, em pha chè để tiếp khách ?

THÂN BÀI :

- a) Đặt ấm nước lên bếp lò.
- b) Lau ấm chén.
- c) Rót nước sôi vào ấm chuyên. Nước ngấm rồi rót ra cốc, chuyên sang tách.
- d) Đặt khay chén lên bàn. Mời khách.
- e) Khách ra về, em rửa ấm chén cất vào tủ.

KẾT-LUẬN : Pha được ấm nước ngon để tiếp khách cũng là biết phép lịch-sự.

BÀI LÀM

Chiều thứ bảy mới rồi, một ông bạn đồng-nghiệp của cha em đến chơi nhà em.

Em đang ngồi học, đứng lên vái chào, rồi quay vào bếp, sửa-soạn pha nước. Em cho mấy thanh củi nhỏ vào bếp lò. Em đánh diêm châm vào bếp cho lửa cháy thành ngọn, không có khói. Em múc nước trong vào lưng ấm đặt lên bếp.

Em lấy thau nước rửa ấm chén thật sạch và lau kỹ bằng cái khăn tay dùng riêng.

Em cho một dùm chè vào ấm chuyên. Một lát sau, nước sôi già, em rót nước vào ấm chuyên. Nước ngấm rồi sẽ được rót ra cái cốc to. Từ cốc nước chuyên sang hai cái tách đặt trên hai đĩa sứ. Em bung khay nước đến cái bàn giữa buồng khách. Em sẽ đặt hai tách nước trước mặt ông khách và cha em. Nước chè màu xanh nhạt, hơi nước bốc lên, mùi chè thơm thoảng. Ông khách và cha em vừa uống nước vừa nói chuyện. Uống cạn một tách nước ông khách hỏi :

— Cái chè này thơm và ngon lắm. Bác cũng nghiện nước chè hử ?

— Sáng nào tôi cũng pha ấm nước chè, uống xong mới đi làm.

— Anh em mình tuổi già. Thích uống nước chè ngon hơn uống bia hay nước ngọt.

Thỉnh thoảng em lại chế thêm nước sôi, chuyên sang tách. Cứ như thế đến hai ba bận.

Ông khách và cha em vẫn tiếp-tục nói chuyện. Những câu

chuyện ôn-tồn điềm thêm những tiếng cười giòn-giã có vẻ thân-mật lắm.

Hai giờ sau, ông khách ra về. Em rửa ấm chén và cất vào tủ chè.

Sau khi khách ra về, mẹ em nhìn vào em và thủng-thỉnh nói : « Học là phải hành. Mẹ để cho con tập pha chè con mới biết lối. Pha được ấm nước ngon đề tiếp khách cũng là biết phép lịch-sự đấy.»



BÀI 52

Em đến thăm bệnh ở một phòng bác-sĩ tư

DÀN BÀI

MỞ BÀI : Cha em đưa em đến thăm bệnh ở phòng bác-sĩ tư ở đâu ?

THÂN BÀI :

- a) Tả qua hình-dáng, y-phục của bác-sĩ (Tâm-vóc — mắt — mặc áo trắng chùng).
- b) Lúc thăm bệnh . Cho cặp ống nhiệt-kế. Đặt ống nghe vào ngực bệnh nhân. Vỗ tay vào bụng.
- c) Tiêm thuốc. Cho uống thuốc.
- d) Kê đơn thuốc. Dặn cách cho uống thuốc, kiêng ăn.

KẾT-LUẬN : Em tâm cảm-ơn bác-sĩ. Em nghĩ đến giữ vệ-sinh cho khỏi bị ốm đau.

BÀI LÀM

Chiều thứ hai vừa rồi, em bị nóng sốt, suốt đêm không ngủ được. Sáng hôm sau cha em cho em đến phòng bệnh của một bác-sĩ tư ở đường Triệu-Đà.

Cha em và em ngồi chờ ở phòng khách đến hơn một giờ. Một anh con trai chừng mười lăm mười sáu tuổi, quay mặt vào cha em và nói «Đến lượt ông đây». Cha em vội đứng dậy, dắt em vào phòng khám bệnh. Cha em nói : « Xin bác-sĩ thăm bệnh cho cháu. Nó bị sốt từ chiều hôm qua ». Em thoáng

nhìn bác-sĩ. Ông trạc chừng bốn chục tuổi, nét mặt hiền-từ, đôi mắt sáng quắc. Người dong-dông cao, mình khoác cái áo trắng chùng, tay dài và rộng. Bác-sĩ chỉ em nằm lên cái giường nhỏ, cao chân, đệm bọc vải trắng. Ông sẽ đặt ống nhiệt-kế vào nách em. Ông bảo em cởi cúc áo cộc ra. Ông đặt cái ống nghe vào ngực em, tai ông ghé vào đầu dây bằng cao-su để nghe. Ông chắm cái ống nghe vào khắp ngực, rồi chắm vào lưng.

Ông cho thuốc vào ống tiêm. Mũi kim tiêm vào đùi em đến nhót một cái như muỗi đốt. Em thấy buồn-buồn một tý, nhưng bấm bụng chịu. Nghe tiếng bác-sĩ nói « xong rồi », em ngồi nhồm dậy. Cha em đỡ em xuống ngồi trên ghế. Bác-sĩ kê đơn mua một vài thứ thuốc. Trong đơn kê tên thuốc bằng chữ Pháp kèm theo lời chỉ-dẫn về giờ-giấc uống thuốc. Ông còn dặn thêm : « Cho cháu ăn sữa hay cháu đường. Phải kiêng cơm hai ba hôm ». Cha em sẽ nói « Xin cảm ơn bác-sĩ » và đưa ra bốn chục đồng. Cha em chào bác-sĩ và dắt em ra khỏi phòng.

Về nhà, vào khoảng chín giờ tối, em thấy trong người dễ chịu, bớt nóng và đỡ nhức đầu. Em đến phòng chữa bệnh để tiêm thuốc hai ba bận nữa thì bệnh khỏi hẳn.

Em thăm cảm ơn bác-sĩ và nghĩ bụng : Ốm đau thật là khổ, vừa tốn tiền vừa mất cả bài học. Có ốm đau mới biết giữ vệ-sinh là cần.



BÀI 53

Em đến một hiệu thuốc bắc để thăm bệnh

BÀI LÀM

MỞ BÀI : Mẹ em dẫn em đến một hiệu bào-chế thuốc bắc để thăm bệnh. Hiệu ấy ở đâu ?

THÂN BÀI :

- a) Tả qua hình-dáng và cách ăn-mặc của ông lang.

- b) Lúc thăm bệnh: Bắt mạch, nhìn vào mắt vào lưỡi. Đoán bệnh.
- c) Kê đơn. Dẫn cách dùng thuốc.
- d) Cân thuốc.

KẾT-LUẬN : Có bệnh thì phải uống thuốc cho chóng khỏi để được đi học cho vui.

BÀI LÀM

Chiều hôm qua mẹ em dẫn em đến một hiệu bào-chế thuốc bắc ở Ngã-bảy để thăm bệnh.

Mấy con bệnh ngồi chờ trên một cái ghế dài kê sát tường, bèn cạnh buồng khám bệnh. Gọi là buồng mà thật ra chỉ có một cái bàn nhỏ, kê vào giữa hai cái ghế dựa. Ngồi chờ độ nửa giờ đến lượt em vào thăm bệnh. Em liếc mắt nhìn ông thầy thuốc. Đó là một ông lang người Trung-hoa, trạc chừng năm chục tuổi. Đầu chải mượt, mắt đeo kính trắng. Ông mặc áo sơ-mi trắng, quần tây là thẳng nếp, đi đôi dép quai ni-lông, gót mỏng dính. Em ngồi trên cái ghế dựa, đối diện với ông lang. Em để cánh tay lên cái gối bông đặt trên mặt bàn. Ông lang đề ba ngón tay giữa vào cổ tay em, sờ-sờ ấn xuống nâng lên. Bắt mạch xong tay phải đến tay trái. Mắt ông chom-chóm như chú ý để hiểu biết bệnh tình của em. Ông bảo em thè lưỡi ra. Mẹ em đứng sẵn bên em, vừa kể bệnh-tình của em, vừa nói chuyện với ông. Ông nói tiếng Việt thạo lắm. Ông lang vừa gật đầu vừa trả lời : « Chân tý hư. Bao-tử nóng quá ». Ông kê đơn bằng chữ Tàu vào quyển sổ rồi xé mảnh giấy đưa mẹ em.

Mẹ em đưa cái đơn cho một chú phở-ky trẻ tuổi để cân thuốc. Người này dài cái đơn trên mặt tủ hàng. Nhúm mấy vị thuốc đặt vào mảnh giấy gói lại. Chú lấy ngón tay trở gầy vào bàn toán « tanh tách » mấy tiếng. Mã giá tiền vào đơn đưa mẹ em và nói « Hết hai mươi lăm đồng ». Mẹ em trả tiền rồi xách chén thuốc ra về.

Em nghĩ thầm : Ốm đau thật là khổ ! Tiêm thuốc tây thì đau ; uống thuốc bắc thì đắng. Nhưng có bệnh thì phải chịu khó dùng thuốc và phải kiêng khem cho chóng khỏi để được đi học.

BÀI 54

Thuật chuyện một đám đánh nhau

DÀN BÀI

MỞ BÀI : Thời-gian.

THÂN BÀI :

- a) Nguyên - do xảy ra sự cãi nhau : Tý nhất được hộp bút chì màu bỏ vào cặp. Sửu chạy đến nhận. Cãi nhau.
- b) Hai anh đánh nhau.
- c) Kết-quả : Cả hai cùng bị đau và rách quần áo.
- d) Cả hai cùng bị thầy giáo phạt.

KẾT-LUẬN : Không nên cãi nhau, đánh nhau. Nên nhớ đến câu « Một câu nhạ chín câu lành ».

BÀI LÀM

Hồi tám giờ sáng qua, chúng em sắp hàng ra sân chơi.

Vừa ra tới sân, anh Tý nhất được hộp bút chì màu, cầm vào lớp cốt trong cặp. Anh vừa ra khỏi cửa lớp thì anh Sửu, học-trò lớp bên cạnh, chạy xô tới. Sửu chỉ tay vào mặt Tý, sùng-sộ hỏi :

- Hộp bút chì đâu ? Đưa trả đây.
- Người ta bắt được ở sân mà !
- Bắt được à ? Không phải của mình sao dám nhận ? Ăn cắp hử ?
- Không hỏi xin, còn nói đều. Đồ khốn-nạn !
- Kể cấp già mồm hử ? Sửu vừa nói vừa xô lại tát vào má Tý đánh « bốp » một cái. Tý cúi quá, mắt đỏ ngầu, giơ tay đẩy mạnh vào ngực Sửu. Sửu ngã chúi, vung tay nắm lấy vạt áo Tý kéo đánh soạt một cái. Vạt áo rách xoạc ra một đường dài từ nách đến gấu. Tý phát khùng móc hai tay vào cổ áo Sửu xé tung ra. Cả hai ôm nhau vật xuống đồng cát, quần áo lấm be-bét. Đầu tóc bơ-phờ, mặt tím bầm, trán xung bườ bằng quả ổi. Hai anh đương niu lấy nhau. Kẻ xoắn lấy tóc, người dè lên ngực. Chung-quanh bạn-bè bọc kín. Bỗng thầy

giáo lớp em rảo bước chạy tới. Hàng rào người dẫn ra. Thầy hỏi to «Sao thế kia ? Gớm thật !» Nghe tiếng thầy nói to, anh Sửu buông bạn ra, ngồi nhòm dây. Cả hai cùng khóc vừa bước đến gần thầy giáo. Thầy giáo quát to : «Thôi ! Đến cả phòng ông Hiệu-trưởng. Cả hai cùng bị phạt. Đuổi tạm một tuần ».

Cả hai cùng bị thương, đứng khóc nức-nở. Có lẽ lúc ấy các anh mới hối-hận thì đã quá muộn.

Nhìn thấy hai anh bơ-phờ như hai con gà chọi bị thương, em nghĩ bụng : Đã sinh sự đánh, cãi nhau thì hai bên cùng bị đau. Tục-ngữ nói : « Một câu nhin chính câu lành » là phải.



BÀI 55 Thuật chuyện một cuộc đi câu

DÀN BÀI

MỞ BÀI : Nhân dịp nào em về chơi với bạn ở đồng-quê. Bạn rủ em đi câu cá.

THÂN BÀI :

- a) Bạn cầm cần câu. Em cầm giỏ và ống mồi.
- b) Đến bờ ngòi, chọn một chỗ gốc cây to để ngồi câu.
- c) Lúc câu : Phao động-dậy. Cá cắn cần.
- d) Em đang say-sưa với cảnh đẹp thiên-nhiên thì bạn em giục về.

KẾT-LUẬN : Cuộc đi câu làm em vui thích : vừa được ngắm cảnh đẹp ở thôn-quê, vừa kiếm được cá ăn.

BÀI LÀM

Nhân dịp nghỉ lễ phục-sinh em theo bạn em về chơi đồng-quê. Bạn chiều ý em rủ em đi câu cá.

Bạn em vác hai cái cần câu. Em xách cái giỏ, một gói mồi và một gói thính. Mồi là mấy con tép. Thính là cám nhào lẫn với nước.

Ra đến con ngòi ở đầu làng, mỗi đứa ngồi dưới một gốc cây to. Chúng em ném một ít thính xuống nước. Vài phút sau, bọ xùi lên, chắc là cá đến bắt mồi.

Em móc con tép vào lưỡi câu, sè-sè thả sợi cước xuống nước. Em nhìn chòng-chọc vào cái phao nổi lênh-bềnh trên mặt nước. Bỗng thấy cái phao chúi đầu xuống. Em vội vàng giật cần câu đánh vút một cái. Có lẽ cá còn rĩa mồi, chưa ngậm hẳn vào lưỡi câu, em đã vội giật cần câu, nên nó không bị mắc. Em tiếc quá, mắc luôn mồi khác, nhỏ chút nước bọt vào mồi, nói «phỉ phui» như xuổi cái giông rui đi. Lưỡi câu vừa đặt xuống nước một nháy mắt thì phao động-dậy, sẽ nhích đi, nước xoáy một vòng tròn. Một đầu phao chúi hẳn xuống, một đầu hơi bênh lên, rồi cả cái phao chìm hẳn xuống. Em giật cần câu đánh «véo» một cái. Đầu cần câu lướt hẳn xuống. Một con rô kếch xù, vàng óng-ánh, giẫy-giụa, trên đầu lưỡi câu. Sao mà thế ! Tim em như đập mạnh thêm lên. Em gỡ con cá, bỏ vào giỏ, để xuống bờ ao. Vừa bỏ vào giỏ, vừa nói «xô-xốc chốc dầy giỏ». Ngồi mỗi chỗ đến gần một giờ, chỗ thì được vài con rô, chỗ thì được vài con trê.

Mặt trời đã lặn, gió hiu-hiu thổi, nền trời đỏ rực, vàng tươi. Chúng em mãi say-sưa với cảnh đẹp thiên-nhiên. Trời đã nhá-nhem chúng em mới rủ nhau về.

Cuộc đi câu này làm cho chúng em vui sướng quá. Vừa được ngắm cảnh đẹp ở thôn-quê, vừa được thở hút không-khí trong lành, vừa kiếm được cá ăn.



BÀI 56 Thuật chuyện một đám giỗ

DÀN BÀI

MỞ BÀI : Ngày giỗ ông nội em là ngày nào âm-lịch ?

THÂN BÀI :

- a) Ngày hôm trước : Cha em lau bàn thờ. Mẹ em đi chợ mua các thứ lễ-vật.
- b) Ngày giỗ : Sửa-soạn cỗ bàn. Cha em và chú bác vào lễ.
- c) Gia-đình xum-hạp ăn uống. Cha em nhắc lại những đức-tính tốt của ông em : cần-kiệm, dạy con cháu.

KẾT-LUẬN : Cúng giỗ là một dịp để con cháu tỏ lòng nhớ ơn tổ-tiên.

BÀI LÀM

Ngày ba mươi tháng mười âm-lịch là ngày giỗ ông nội em. Từ mấy hôm trước mẹ em đã nhắc-nhở đến, hình như muốn dặn chúng em phải nhớ đến ngày kỵ của tổ-tiên.

Ngày hôm trước đã lau-chùi bàn thờ và đánh bóng những đồ thờ bằng đồng. Mẹ em đi chợ sắm đủ mọi thứ lễ-vật. Sáng sớm hôm sau, các cô, các thím em đã đến phụ với mẹ em thổi nấu. Người thì làm thịt gà, thịt vịt. Người thì nấu cơm, thổi xôi. Người thì lau bát, đĩa, cốc, chén. Tiếng vịt kêu « cạc cạc », tiếng bát đĩa « lách tách », lẫn với tiếng người nói xi-xào. Khoảng gần trưa cỗ bàn đã làm xong.

Trên bàn thờ, ngọn nến tỏ ánh sáng lơ-mờ. Mùi hương, mùi hoa, mùi quả chín, mùi thịt mùi xôi thơm ngát. Cha em mặc bộ quần áo quốc-phục, đội khăn xếp, quỳ trước bàn thờ, tay chắp ngang trán, cúi đầu khấn lẩm nhẩm rồi lễ xuống bốn lễ. Tiếp đến các chú, các cô, các thím cũng vào lễ. Sau cùng, em cũng vào lễ với mấy anh em họ. Chúng em vừa lễ vội-vàng vừa nhìn nhau cố nín cười.

Một giờ sau, cỗ bàn bày ra từng bàn. Mọi người xum-hạp ăn uống, chuyện trò ăm-ỹ. Cha mẹ nhắc đến đức-tính của ông em lúc sinh thời :

— Ngày xưa, Cụ cần-mẫn và sên-so lắm. Cụ chỉ nghĩ đến công việc làm ăn, lấy ruộng, làm nhà, chứ không ăn mặc hoang-phí như bây giờ. Cụ thường nói: « Đời tôi già rồi. Đời các anh nhiều sự khó-khăn lắm ». Mọi người ngồi nghe như có vẻ cảm-động, nhớ đến ông em lắm.

Ngày giỗ tổ-tiên là một phong-tục hay. Trước là để tỏ lòng nhớ ơn tổ-tiên, sau là để họ-hàng xum-hạp cho thêm phần thân-ái.

★

BÀI 57

Em đã làm một việc từ-thiện. Thuật lại chuyện ấy

DÀN BÀI

MỞ BÀI : Nhân dịp nào em theo bà em đi lễ Lăng Ông ?

THÂN BÀI :

- a) Lúc trở về em gặp một em bé đang khóc mếu.
- b) Sẵn có món tiền mừng tuổi em đưa ngay cho em bé ấy năm chục đồng.
- c) Bà em khen em có lòng từ-thiện.

KẾT - LUẬN : Lúc đi nằm ngủ, em còn nghĩ thầm « Làm phúc cũng như làm giàu ».

BÀI LÀM

Hôm mừng một tết Nguyên-dán vừa rồi, em theo bà em đi lễ Lăng Ông.

Lúc về, vừa ra khỏi cửa đền một quãng, em trông thấy một bọn đông người xúm-xít. Em lách vào xem, thấy một chị con gái, hơn em chừng bốn năm tuổi. Chị khóc nức-nở, nghẹn-ngào nói không ra tiếng. Người chung quanh cho chị tiền, người một đồng, người hai ba đồng. Một cụ già nói : « khốn-nạn ! Nó đánh mất tiền của chủ sai đi mua thuốc lá. Nó sợ phải đòn, không dám về. »

Em động lòng thương, sẵn có món tiền mừng tuổi, em đưa cho chị ấy một tờ giấy năm chục đồng. Em rẽ hàng người để lách ra. Bà em đứng ngoài cũng biết chuyện. Vừa thấy em ra, bà em hỏi ngay :

— « Châu cho em đó mấy đồng ?

— Thưa bà, năm đồng ». Em phải nói rút đi, sợ bà em mắng.

— Ừ ! Châu biết thương người cơ-nhỡ như vậy là ngoan lắm. Có đồng tiền dư-dật nên giúp đỡ người nghèo khó. Đừng hoang-phí của trời.

— Tội-nghiệp cho chị ấy ! Tết nhất người ta đua ăn đua

mặc để thưởng xuân. Mà chị ấy không được ăn tết với gia đình. Hôm nay, không xin đủ tiền mua thuốc lá cho chủ thì còn bị đòn, bị chửi khốn-khở.

— Mỗi người làm phúc cho em một vài đồng. Làm gì chả đủ.

Chiều hôm ấy, lên giường nằm, em còn nhớ đến chị ấy. Em nghĩ thầm : Người ta vẫn bảo « Làm phúc cũng như làm giàu ». Thế mà thiên-hạ chỉ đua nhau làm giàu.

Có mấy người nghĩ đến làm phúc.



BÀI 58

Kể chuyện một em bé có hiếu

DÀN BÀI

MỞ BÀI : Em ở gần nhà một bà già làm nghề bán hàng rong. Bà có một cô con gái tên là Thảo.

THÂN BÀI :

- a) Sáng nào bà cũng cho em Thảo hai đồng để ăn quà.
- b) Hôm thứ hai, em Thảo lấy hai đồng mua một quyền vở.
- c) Có người đem biếu quà mà Thảo không ăn trước mẹ.
- d) Em đợi đến trưa bà mẹ vẫn chưa về. Em đói quá mà vẫn nhịn.
- e) Mãi năm giờ chiều bà mẹ mới về.
- g) Mẹ thương con bị đói. Con thương mẹ buồn bán khó-nhọc.

KẾT - LUẬN : Em Thảo biết thương mẹ và trọng mẹ, thật là người con có hiếu.

BÀI LÀM

Em ở gần nhà một bà già làm nghề bán hàng rong. Bà đã ngoài năm chục tuổi. Con gái út bà tên là Thảo mới lên sáu tuổi. Em Thảo học lớp Năm, trường tiểu-học Ngã-Sáu.

Sáng nào bà cũng cho em Thảo hai đồng để ăn quà. Đợi bà về thời cơm, cùng ăn bữa trưa.

Hôm thứ hai vừa rồi, em Thảo lấy hai đồng mua một

quyền vở, vì đến lớp học em mới biết là vở bài làm vừa hết.

Tan học về, có người bà con đem biếu bà già một đĩa xôi và một đùi gà. Nhân lúc đói bụng, Thảo định lấy một phần xôi thịt ra ăn. Em chợt nghĩ thầm : « Đây là quà của người ta biếu mẹ ta. Sao con lại ăn trước mẹ ? » Đợi đến quá trưa, bà mẹ vẫn chưa về. Thảo đói quá mà em vẫn cố đợi.

Mãi năm giờ chiều bà cụ mới về. Bà nhìn con có vẻ thương hại và nói :

— Hôm nay đắt hàng quá. Mẹ phải mua thêm hàng đi bán. Mẹ về muộn quá. Con đói lắm hử ?

— Con vẫn tưởng mẹ về như mọi ngày. Con nhịn quà để lấy tiền mua vở. Trưa về ăn cơm cũng được.

— Đây con cầm tiền đi mua bánh mì chả về ăn đỡ. Mẹ đi nấu cơm.

— Nhà chị Năm ở Bàn-Cờ có giò. Chị đem biếu mẹ xôi và thịt gà. Con để trong chạn kia kia.

— Sao con không ăn cho đỡ đói ?

— Con đâu dám ăn trước mẹ. Mẹ có ăn thì con mới được ăn.

Bà mẹ vừa xoa đầu con gái bé vừa nói :

— Lần sau con phải nhớ mua vở trước khi đi học. Nhịn đói quá, là thì sao ?

Hai mẹ con đem xôi thịt ra ăn lấy làm sung-sướng lắm. Thảo ăn ngon vì đã đói ngấu. Bà mẹ vui lòng vì thấy con bé mà ngoan.

Em Thảo nhịn quà sáng để lấy tiền mua vở học là biết thương mẹ. Đói lòng quá không ăn trước mẹ là biết kính trọng mẹ. Em Thảo thực là người con có hiếu, đáng làm gương cho chúng em.



BÀI 59

Kể chuyện một học-trò biết ơn thầy-giáo

DÀN BÀI

MỞ BÀI : Em có người anh họ vừa ở Mỹ về, sau khi tốt-nghiệp kỹ-sư điện.

THÂN BÀI :

- a) Sáng hôm sau, anh Hậu cùng đi với cha đến thăm thầy-giáo cũ.
- b) Thầy-giáo nói chuyện với cha con anh Hậu.
- c) Anh Hậu biểu thầy-giáo một cái đồng hồ.
- d) Về nhà, anh Hậu lấy làm vui lòng đã gặp thầy-giáo cũ.

KẾT-LUẬN : Trong lúc thời đời đen.bạc mà vẫn có người ăn ở thủy-chung như vậy thật là đáng quý.

BÀI LÀM

Em có một người anh họ tên là Hậu, Năm nay đã hai mươi lăm tuổi. Anh Hậu vừa du-học ở Mỹ về.

Về nhà hôm trước thì sáng hôm sau anh Hậu cùng đi với cha đến thăm thầy-giáo cũ. Thầy-giáo dạy anh học ở lớp năm lúc mới lên sáu tuổi. Thầy-giáo đã về hưu và ở một căn nhà nhỏ.hẹp ở đường Bà-Hạt.

Cánh cửa hé mở, cha con anh Hậu tiến vào. Cụ giáo đứng lên, cất đôi kính lão ra nhìn vẫn chưa nhận ra ai. Thi anh Hậu cúi đầu chào «Lạy Thầy ạ». Cụ giáo nghe tiếng anh nhớ ra là học-trò cũ. Cụ mời cha con anh Hậu ngồi. Chủ khách chuyện trò thân-mật vui-vẻ. Cụ hỏi :

— Cậu đã đi làm chưa hay còn đi học ?

— Con đã tốt-nghiệp kỹ-sư điện. Con vừa ở Mỹ về hôm qua. Cha anh Hậu tiếp lời con trai :

— Thưa Cụ, cháu cũng nghỉ một vài tháng rồi xin đi làm. Nhà nghèo cháu kiếm việc làm để giúp gia-đình.

— Bố mẹ già rồi. «Trẻ cậy cha, già cậy con». Cậu đi làm để giúp các cụ là phải.

Cha anh Hậu rút cái hộp đồng-hồ trong túi ra để lên mặt bàn và se-se nói :

— Thưa cụ, cháu dành tiền lương, mua được hai cái đồng hồ đeo tay. Một cái tôi để dùng. Một cái đem lại biểu cụ. Xin cụ nhận để cha con tôi vui lòng.

Cụ giáo lẳng-lặng một chút như có ý nghĩ-ngợi điều gì.

—Vâng ! Cậu ấy học đã thành tài và có lòng tốt. Tôi vui lòng nhận để làm kỷ-niệm.

Về tới nhà, anh Hậu lấy làm hài lòng đã gặp thầy - giáo cũ. Anh nói với cha anh :

— Tuy già rồi mà cụ giáo vẫn vui chuyện và thân-mật như xưa. Giọng nói vẫn đõng-dạc, ngôn-ngữ vẫn hoạt-bát như mười năm về trước.

Trong lúc thời đời đen.bạc mà vẫn có những người ăn ở thủy-chung như anh Hậu. Mới biết tình thầy trò ở nước ta vẫn là đáng quý.



BÀI 60

Thuật lại một chuyện cổ-tích

DÀN BÀI

MỞ BÀI : Thời xưa, một nhà giàu hiếm-hoi chỉ có một người con trai.

THÂN BÀI :

- a) Anh con trai học-hành thì mãi không đậu.
- b) Anh bỏ nhà đi tu.
- c) Phật báo mộng khuyên anh ta về thăm bố mẹ già.
- d) Anh về nhà thờ cha mẹ rất có hiếu.

KẾT-LUẬN : «Tu đâu cho bằng tu nhà, Thờ cha kính mẹ ấy là chân tu.»

BÀI LÀM

Thời xưa, một nhà xứ giàu quê, hiếm-hoi sinh được một anh con trai, đặt tên là Tự.

Tự được cha mẹ nâng-niêu chiều-chuộng, chăm cho ăn học. Vì lười-biếng anh thi mãi không đậu. Bị làng xóm chê cười Tự phần-chí bỏ đi tu. Anh đến tu ở một ngôi chùa hẻo-lánh làm trên đỉnh đồi, cách xa quê anh, đi hơn một ngày đường.

Đêm hôm ấy, sau khi tụng kinh, anh đi nằm. Trần - trọc đến quá nửa đêm, Tự ngủ thiếp đi lúc nào không biết.

Bỗng đầu giường anh hiện ra một cụ già, tóc bạc như tơ, râu dài đến ngực, tay chống gậy trúc. Cụ nhìn vào mặt Tự và chậm-rãi nói :

« Con có lòng mộ đạo, Phật cũng thương tình. Phật dạy điều nầy con phải ghi vào lòng. Con có làm được mới thành quả phúc. Ngày mai, con về quê thăm cha mẹ con. Con trông thấy ông cụ già đi đôi dép trái châu là Đức Phật đó. Con dốc lòng nhờ Ngài ấy là chân tu.»

Sáng sớm hôm sau, Tự xin phép sư cụ về quê. Về tới nhà đêm đã khuya, Tự gọi cổng, cha anh nghe tiếng mừng-rỡ vội vàng ra mở cổng. Dưới ánh ngọn đèn dầu lờ-mờ. Tự nhìn thấy cha đi đôi dép trái châu, Tự sực nhớ đến lời Phật báo mộng. Và từ đấy anh ăn ở với cha mẹ trọn đạo làm con.

Bạn học cũ đến chơi thăm anh , Tự thuật lại chuyện Phật báo mộng cho bạn-hữu nghe. Họ kể lại những lo-âu của cha mẹ anh lúc anh đi vắng. Tự cảm động gạt thẳm nước mắt.

Đề an-ủi anh, người bạn nhắc đến câu ca-đạo :

« Tu đâu cho bằng tu nhà,
Thờ cha kính mẹ ấy là chân tu.»



VIẾT THƯ

BÀI 61

Thăm thầy giáo cũ

DÀN BÀI

- a) Chỗ ở, ngày tháng năm.
- b) Thưa Thầy.
- c) Em biết tin thầy giáo dời về trường mới.
- d) Em nhớ đến những lời giảng dạy của thầy.
- e) Em được lên lớp. Em hứa chăm học để xứng đáng là học-trò cũ của thầy.
- g) Cha mẹ em gửi lời thăm thầy giáo.
- h) Em chúc thầy cùng gia-quyển bình an — Ký tên.

BÀI LÀM

Saigon, ngày tháng năm 196...

Kính thưa Thầy,

Hôm qua là ngày tựu - trường. Con đến trường mới biết tin là Thầy dời về dạy học ở trường tiểu-học Vũng-Tàu. Con vội viết thư kính thăm Thầy. Con rất tiếc không được tiễn chân Thầy.

Trong óc con còn ghi lại những kỷ - niệm về ngày khai-trường năm ngoái, con được lên lớp Thầy. Ở đấy suốt năm học biết bao những kỷ-niệm tốt-đẹp. Những lời giáo-huấn của Thầy như rót vào tai. Nhất là những giờ đức-dục, học thuộc lòng, tập làm văn làm cho chúng con theo dõi từng phút. Nhờ vậy mà một số anh em chúng con được lên lớp Ba đều là học-trò khá trong lớp. Thầy giáo mới là thầy giáo Quý tổ ra rất mến chúng con. Mới gọi lên bảng đề thử một vài bài thầy giáo mới đã khen rồi. Chúng con cố gắng để xứng-dáng là học trò cũ của Thầy.

Ở Vũng-Tàu khí-hậu tốt lắm. Có lẽ cũng vì lý-do ấy mà Thầy xin đổi về trường mới. Nghề dạy học vẫn có tiếng là nghề hại phổi mà sự tận-tâm của Thầy lại làm giảm sức khỏe hơn nữa. Có lẽ thầy quý tinh-thần của học-trò hơn là quý sức khỏe của Thầy.

Cha mẹ con và nhiều vị phụ-huynh học-sinh khác biết tin Thầy đổi đều tỏ ý mến tiếc. Cha mẹ con gửi lời kính chúc Thầy Cơ mạnh-khỏe. Cha mẹ con mong được tiếp chuyện Thầy mỗi khi có dịp Thầy về chơi thủ-dô. Cha mẹ con vẫn ở số nhà 119 P đường Bà-Hạt.

Con xin thành-thực kính chúc Thầy cùng Bảo-quyển vạn sự như ý.

Bài thư
Học-trò Thầy
TRẦN ĐỨC-BÀI



BÀI 62

Thư mượn sách của bạn

DÀN BÀI

- a) Chỗ ở, ngày tháng năm.
- b) Tên bạn.
- c) Em mượn quyển sách gì?
- d) Hẹn bao lâu sẽ trả? Tiệm dịp đến chơi với bạn nhân ngày chúa-nhật.
- e) Hứa giữ-gìn cẩn-thận.
- g) Tại sao phải mượn?
- h) Lối viết thư và ký tên.

BÀI LÀM

Saigon, ngày..... tháng..... năm 196..

Hữu thân-mến,

Hữu làm ơn cho tôi mượn quyển Việt-sử lớp Ba của Bùi-văn-Bảo. Còn một tháng nữa mới có bài thi tam cá-nguyệt về

môn Sử-ký. Tôi mượn sách Hữu học trước một tuần lễ. Hôm nay là thứ bảy. Đến chúa-nhật sau tôi mang trả sách. Tiệm dịp đến thăm Hữu vào khoảng tám giờ sáng. Hữu sửa-soạn cái gì để tiếp bạn nhé. Mấy quả mận là được rồi. Tiệm thể tôi sẽ đem mấy tập báo « Tuổi xanh » để Hữu xem chơi.

Tôi biết Hữu là người cẩn-thận, quý sách học lắm. Tôi sẽ giữ-gìn sách của Hữu cũng như của tôi. Sở-dĩ tôi phải mượn sách là gì chiều qua, giờ ra chơi ông bạn « đảng tri » nào đã chơi khăm, mượn sách mà không báo cho tôi biết. Tôi sợ cha mẹ tôi đánh mắng chưa dám nói thật.

Chiều qua, tan học về, tôi vội quá, lại đương lúc bực mình không nghĩ ra. Lúc đi nằm, nhắm trong óc, mới sực nhớ đến Hữu là người bạn thân-tin, kín-đáo.

Nếu Hữu vui lòng, chiều thứ hai, Hữu cầm sách đến trường giúp tôi.

Cám ơn Hữu trước.
Thân ái
BÀI



BÀI 63

Thư thăm bạn ốm

DÀN BÀI

- a) Chỗ ở, ngày tháng năm.
- b) Tên bạn.
- c) Sáng nay có người nhà đến xin phép mới biết tin bạn ốm.
- d) Hỏi thăm bạn ốm ra sao? Dùng thuốc gì? Bệnh đã bớt nhiều chưa?
- e) Khuyên bạn nên kiêng khem và chịu khó dùng thuốc.
- g) Mong bạn chóng khỏe để đi học cho vui.
- h) Hứa chép bài giúp bạn.
- i) Lối viết thư và ký tên.

BÀI LÀM

Saigon, ngày tháng năm 196...

Nghị thân mến,

Vắng Nghị mới hai hôm mà tôi thấy lâu quá. Tôi nhớ Nghị

lắm. Sáng nay có người nhà Nghị đến xin phép mới biết là Nghị bị cảm.

Sau trận mưa chiều thứ bảy chắc Nghị bị ướt quần áo nên sốt đấy. Nghị dùng thuốc tây hay thuốc bắc? Có lẽ hôm nay bệnh đã bớt nhều. Nghị xin phép ngủ vài hôm, kiêng nắng gió chứ gì.

Dùng thuốc đã đành mà cần phải kiêng khem. Cảm mà ăn cơm là lâu khỏi lắm đấy.

Nằm ở nhà chắc Nghị sốt ruột nhỉ. Mấy bạn cùng bàn nhắc đến Nghị luôn. Nhất là những giờ toán, giờ luận, chúng mình thay nhau giờ tay để trả lời. Văng ngón tay trở của Nghị, bàn của chúng mình như «lục» đi một phần. Chiều qua, giờ ra chơi, tôi bị thua mấy ván bi, Tam còn nói khích: «Không có Nghị bạn này coi như bỏ rọ».

Có lẽ thế thật. Bài luận thi hai chúng mình bằng điểm nhau, nhất cả hai. Bài luận thường vừa rồi tôi được bảy điểm cũng bằng Tam nhưng anh ta được nhất vì chữ tốt hơn. Tuần-lê tới, thi toán đấy. Nghị muốn chiếm giải nhất thì phải có mặt.

Hai buổi vắng mặt, Nghị thiết một bài chính-tả, một bài luận và hai bài tính đổ. Còn các bài học đã có sách in. Hôm nào đi học, tôi sẽ đưa đầu bài để Nghị tự làm lấy cho khỏi tiếc. Có điều gì thắc-mắc ta sẽ góp ý-kiến chung.

Chúc Nghị chóng bình-phục để đi học cho vui. Đọc xong lá thư ngắn này, Nghị mỉm cười, đứng lên đi lại vài vòng có lẽ khỏi sốt đấy.

Ngoài việc học, ở nhà cũng bận đôi chút, tôi không đến thăm Nghị được. Nghị sẵn lòng tha lỗi cho Bả nhé.

Thân-mến
BÀ

BÀI 64

Thư xin tiền cha mẹ để mua sách

DÀN BÀI

- a) Chỗ ở, ngày tháng năm.
- b) Gửi Thầy Mẹ em.
- c) Em mới lên lớp Ba. Đã vào học được ba hôm.

- d) Em cần mua sách, vở, cặp sách.
- e) Em bết đi học xa làm tốn tiền của Thầy Mẹ em.
- g) Em hứa cố-gắng học để Thầy Mẹ em vui lòng.
- h) Lời chúc của em.
- i) Lỗi viết thư và ký tên.

BÀI LÀM

Saigo, ngày ... tháng ... năm 196...

Thưa Thầy Mẹ,

Con được lên lớp Ba. Đã vào học được ba hôm rồi.

Con cần mua một cái cặp sách, ba quyển sách in và hai chục quyển vở bài làm. Mua các thứ cộng hết ba trăm đồng. Con xin Thầy Mẹ gửi cho con số tiền ấy để con mua các thứ cần dùng kể trên.

Nếu không tiện gửi tiền thì Thầy Mẹ viết thư hỏi chú Tư cho con mượn. Con sợ phiền đến chú thím con, nên không dám hỏi. Chú thím sẵn lòng thương con thật đấy. Nhưng con thấy chú thím phải tiêu pha nhiều nên cũng nể.

Con biết rằng con đi học xa nhà làm tốn nhiều tiền Thầy Mẹ. Ở nhà quê kiếm ra đồng tiền khó-khăn lắm. Bởi vậy, con cố hết sức tiết-kiệm đồng tiền. Trừ những thứ cần-thiết lắm con mới dám xin tiền của Thầy Mẹ.

Con xin chăm học để Thầy Mẹ được vui lòng. Mỗi tháng con sẽ viết thư báo tin về kết-quả học-tập hằng tháng của con.

Con kính chúc Thầy Mẹ cùng tất cả gia-đình được bình-an, vui-vẻ.

Bái thư
Con của Thầy Mẹ
NAM

BÀI 65

Thư khuyên em bé của em nên chăm học

DÀN BÀI

- a) Chỗ ở, ngày tháng năm.
- b) Tên em bé.
- c) Em đọc thư của cha biết tin em của em học kém quá.
- d) Em khuyên nó nên chăm học để cha mẹ vui lòng.
- e) Nó có tư-chất khá. Có lẽ vì nó mải chơi hoặc vì bạn xấu cảm-đổ.
- g) Hứa mua cho nó đồ chơi gì để thưởng nó nếu nó học-hành tấn-tới.

- h) Khuyên nó cải lỗi.
- i) Lối viết thư và ký tên.

BÀI LÀM

Saigon, ngày... tháng... năm 196...

Em Hậu thân-mến,

Anh vừa nhận được thư của cha ngày hôm qua. Trong thư cha phân-nản Hậu học kém quá. Tháng chín vừa qua, em xếp thứ 40 trên 50 học-sinh trong lớp.

Em ạ! Cha mẹ làm ăn vất-vả suốt ngày. Làm gì có thì giờ trông coi đến việc học của em. Nhưng ở trong lớp em chú ý nghe lời thầy giáo giảng bài là đủ. Em nghe hiểu thì học bài chóng thuộc, làm bài dễ-dàng.

Ngày từ đầu năm học em phải cố-gắng lên. Cuối năm mới được lên lớp. Em học-hành tấn-tới sẽ làm cho cả gia-đình được vui lòng. Sau này, đời em sẽ được sung-sướng. Cha mẹ vẫn nói nhỏ với anh là em có tư-chất khá, học được. Có lẽ em bị một vài bạn xấu cảm-dở thì phải. Làm bạn với người lười-biếng em sẽ bị họ dắt xuống hố sâu. Em nên mau-mau cải-lỗi, phải chọn bạn tốt mà chơi để ganh đua học-tập. « Gần mực thì đen, gần đèn thì rạng » đấy, em ạ.

Anh sẽ đề-dành tiền mua cho em một thứ đồ-chơi, tùy thích của em. Miễn là hằng tháng em được xếp hạng từ 25 trở lên. Mỗi tháng em viết cho anh một lá thư. Trong thư em nói chuyện gia-đình và nhất là việc học-hành của em.

Tiếp được thư anh, em đọc thật kỹ. Rồi lúc đi nằm ngủ, em thử nhẩm lại những lời khuyên-nhủ của anh. Nếu em nhận thấy lời anh nói phải thì em nên vâng theo.

Kính chúc Cha Mẹ và cả gia-đình bình an. Thăm em học-hành tấn-bộ.

Anh của em
BÀI

BÀI 66

Em mới lên trọ học ở thủ-đô Saigon

Viết thư thăm cha mẹ em ở đồng-quê.

DÀN BÀI

- a) Chỗ ở, ngày tháng năm.

- b) Gửi Thầy Mẹ em.
- c) Việc học-hành của em.
- d) Sự thân-ái giữa thầy giáo và bạn học với em.
- e) Sự thân-ái của chủ nhà với em.
- g) Em nhớ đến gia-đình.
- h) Em cố-gắng học-hành để vui lòng cha mẹ em.
- i) Lời chúc cha mẹ em.
- k) Lối viết thư và ký tên.

BÀI LÀM

Saigon, ngày.. tháng... năm 196...

Kính thưa Thầy Mẹ,

Chú Tư xin cho con vào học lớp Ba, trường tiểu học Ngã-sáu. Ở thủ-đô học-trò tiểu học đông quá. Được vào học trường công là may-mắn lắm. Lớp con có bảy mươi lăm học-sinh. Tuần-lễ vừa qua, con được xếp thứ 40. Ngay từ lúc đầu con phải cố-gắng mới theo kịp anh em.

Thầy con là học-trò mới, thầy giáo hay gọi đọc bài. Thầy tận tâm và thương yêu học-trò lắm. Mới đến trường nửa tháng con đã làm thân với vài bạn học cũng hiền-lành như con.

Nhà ở trọ chả lấy đâu được rộng-rãi như ở nhà quê. Nhưng được thế này là vào hạng khá. Con trai út chú Tư và con học với nhau, riêng một phòng nhỏ trên gác. Được cái hai vợ chồng chú Tư thương con cũng như con trai của chú thím. Thỉnh-thoảng thấy con có vẻ mặt ngây thơ, thím Tư nói « Đức nhớ nhà lắm à? Nhà cháu rộng-rãi hơn nhà thím hử? Chăm mà học. Mẹ cháu sắp lên chơi đấy ». Thực ra, những ngày nghỉ học ở nhà thấy buồn tẻ, sinh ra nhớ nhà. Con nhớ Thầy Mẹ, nhớ các anh, chị. Nhất là nhớ đến em Tý, cả ngày nó hỏi con những câu ngây-ngó buồn cười. Trái lại, những ngày đi học thì vui lắm. Dù sao, con cũng cố học cho tấn-tới. Trước là vui lòng Thầy Mẹ. Sau là khỏi thẹn với anh em bạn cũ cùng học ở trường làng. Lên học ở thủ-đô mà kém họ thì xấu-hổ lắm.

Con xin kính chúc Thầy Mẹ mạnh khỏe. Chúc các anh, các chị và em bé yên vui.

Bài thư
Con của Thầy Mẹ
ĐỨC

MỤC-LỤC

BÀI	ĐẦU ĐỀ	Tr	BÀI	ĐẦU ĐỀ	Tr
LỜI NÓI ĐẦU					
1	Tập dùng tiếng « thi »	5	36	Con chó	39
2	Tập dùng tiếng « mà »	5	37	Con trâu	40
3	Tập dùng tiếng « là »	6	38	Con lợn	42
4	Tập dùng tiếng « vì »	7	39	Con gà sống	43
5	Tập dùng tiếng « bởi »	8	40	Con chim yêng	44
6	Tập dùng tiếng « bị »	9	41	Con bướm	46
7	Tập dùng tiếng « được »	10	42	Bà em	47
8	Cái quần bút	10	43	Cha em	48
9	Quyển sách tập-đọc	11	44	Ông hiệu trưởng	49
10	Bảng đen	11	45	Cô giáo em	51
11	Bàn giấy thầy giáo	12	46	Bạn thân	52
12	Bàn học-trò	12	47	Anh thương binh	53
13	Bảng lịch treo tường	13	48	Giờ tập thể-dục	55
14	Bảng danh-dự	13	49	Lễ chào cờ	56
15	Cái dao con	14	50	Mẹ em may áo	57
16	Cái tủ áo		51	Em pha trà	58
TẢ CẢNH					
17	Quyển tập-đọc	15	52	Thăm bệnh ở phòng bác sĩ tư	60
18	Cái hộp bút	16	53	Thăm bệnh ở hiệu bào ché thuốc bắc	61
19	Cái quần bút	17	54	Đám đánh nhau	63
20	Bạn học-trò	19	55	Đi câu	64
21	Tám lịch treo tường	20	56	Đám giỗ	65
22	Lớp em học	21	57	Em làm một việc từ thiện	67
23	Tủ sách	23		Em bé có hiếu	68
24	Đồng hồ báo thức	24	58	Học trò biết ơn thầy	70
25	Cái nón lá	26	59	Chuyện cò-tích	71
26	Cái mũ nút chai	27	60	VIẾT THƯ	
27	Cái giầy-ấm	28		Thư thăm thầy giáo cũ	73
28	Cái lọ hoa	29	61	Thư mượn sách	74
29	Cái chạn	31	62	Thư thăm bạn ốm	75
30	Nhà cha mẹ em	32	63	Thư xin tiền cha mẹ	76
31	Cây bưởi	33	64	Thư khuyên em bé chăm học	77
32	Cây chanh	34	65	Thư thăm cha mẹ ở cỏ g què	78
33	Cây đu-đu	35			
34	Cây hoa hồng	37	66		
35	Cây sen	38			